

BÁO CÁO VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN



Tháng 11 năm 2022



Mục Lục

Tóm tắt	tr.3
Tổng quan TTCK tháng 10.....	tr.4
Kinh tế Vĩ mô tháng 10.....	tr.20
Triển vọng TTCK tháng 10.....	tr.28
Lịch sự kiện tháng 10	tr.31
Danh mục khuyến nghị tháng 10.....	tr.32
Danh sách mã khuyến nghị tháng 11.....	tr.34
Tuyên bố miễn trừ.....	tr.37



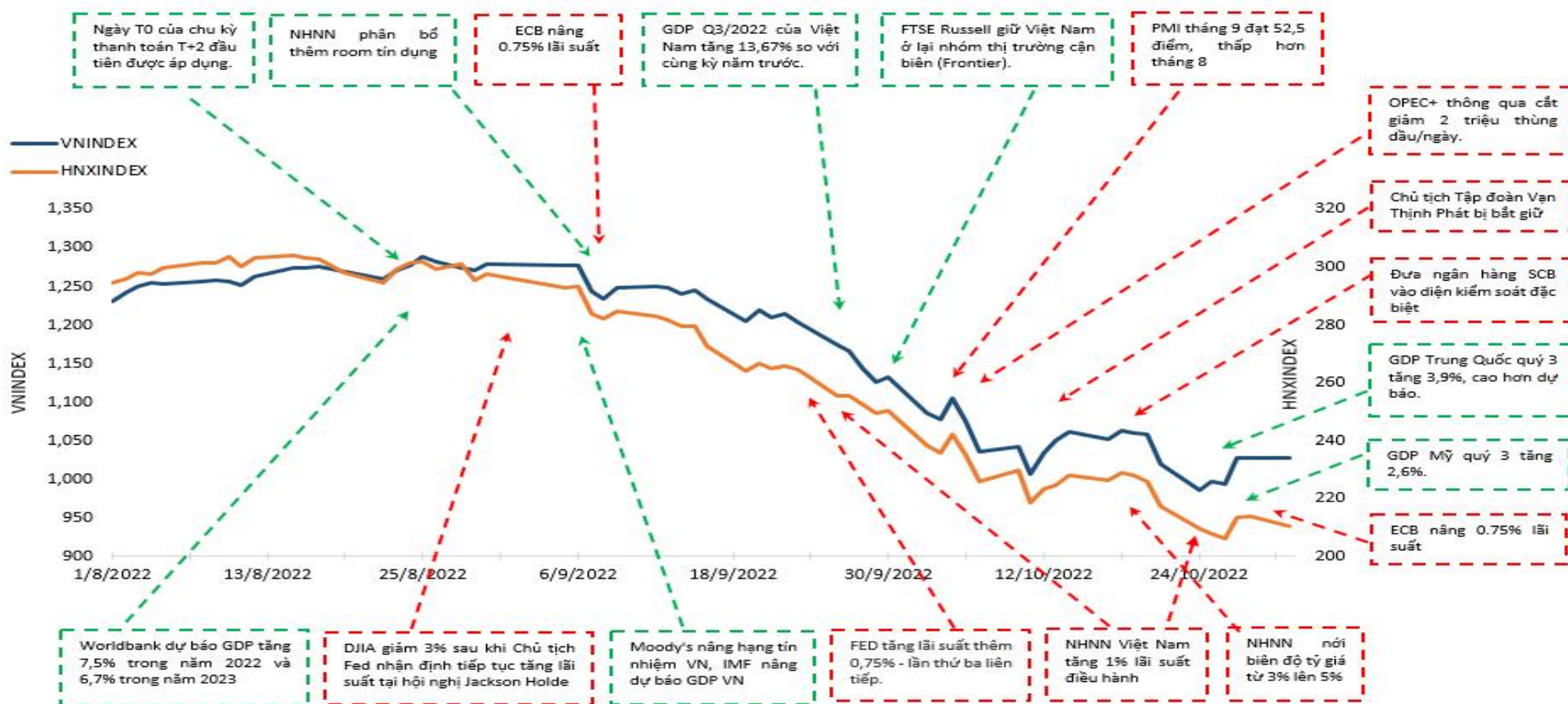
TÓM TẮT

- ❑ VN-INDEX có tháng giảm điểm thứ 2 liên tiếp và kết tháng tại 1.027,94 điểm (-9,2%), HNX-Index là 210,43 điểm (-15,91%), Upcom là 76,29 điểm (-10,2%) do chịu tác động bởi vụ việc Vạn Thịnh Phát, quyết định tăng lãi suất của NHNN. Tính từ đầu năm VN-Index đã giảm 31,4%.
- ❑ Thanh khoản thị trường sụt giảm trong tháng 10 với giá trị giao dịch trung bình 13.032,93 tỷ đồng/phiên (-16,63% MoM), tổng khối lượng giao dịch trong tháng 10 đạt trên 10,7 tỷ cổ phiếu, tăng 5,45% cho thấy áp lực bán giá thấp rất mạnh của nhà đầu tư. Nhóm cổ phiếu ngân hàng TMCP ngoài nhà nước cùng với chứng khoán giảm điểm mạnh trong khi VNM, GAS và nhóm ngân hàng BID, CTG, VCB diễn biến tích cực.
- ❑ Khối ngoại có tháng bán ròng thứ 2 liên tiếp với giá trị ròng tổng cộng cả 3 sàn là 1.311,25 tỷ đồng trong đó tại HOSE là 1.553,3 tỷ đồng tuy nhiên nếu loại trừ 2.720 tỷ đồng bán ròng qua thỏa thuận thì khối này mua ròng khớp lệnh 1.166 tỷ đồng so với mức bán ròng 2.578 tỷ đồng trong tháng 9. Trong tháng 10, Việt Nam là nước được các quỹ ETF bơm ròng mạnh nhất trong 5 thị trường tại Đông Nam Á được theo dõi với 98 triệu USD.
- ❑ Các chỉ số vĩ mô nhìn chung vẫn cho tín hiệu tích cực như sản xuất công nghiệp, FDI, XNK, tuy nhiên CPI tiếp tục xu hướng tăng khi tháng 10 tăng 4,3% so với cùng kỳ. Trong tháng, NHNN đã tiếp tục tăng thêm 1% lãi suất điều hành và các NHTM cũng tăng lãi suất huy động lên khoảng 8% đối với kỳ hạn 6 tháng, 8.5% đối với kỳ hạn 12 tháng. Mặc dù đã tăng biên độ dao động tỷ giá lên +/-5% từ ngày 17/10/2022 nhưng thời điểm cuối tháng 10 giá bán USD của NHTM vẫn sát mức trần theo biên độ cho thấy áp lực khá lớn.
- ❑ Chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ tìm được điểm cân bằng trong tháng 11 trước khi bước vào giai đoạn tích lũy với vùng hỗ trợ quanh mốc 950 điểm và kháng cự từ 1.050 điểm – 1.100 điểm.



TỔNG QUAN TTCK THÁNG 10

- Thị trường giảm mạnh tháng thứ 2 liên tiếp do chịu ảnh hưởng bởi chuỗi các sự kiện trong nước. Sự việc chủ tịch tập đoàn Vạn Thịnh Phát bị bắt và ngân hàng SCB được đưa vào diện kiểm soát đặc biệt cùng với những tin đồn vô căn cứ sau đó đã làm gia tăng tâm lý lo sợ của nhà đầu tư về những rủi ro trong lĩnh vực trái phiếu. Bên cạnh đó những căng thẳng trên thị trường ngoại hối và quyết định tăng thêm 1% các lãi suất điều hành lần thứ 2 liên tiếp trong vòng 2 tháng của ngân hàng nhà nước cũng là những thông tin tiêu cực khiến cho VN-INDEX trong tháng 10 giảm mạnh về mức thấp nhất 962,45 điểm trước khi phục hồi và kết tháng tại 1.027,94 điểm, tương ứng giảm 9,20% so với tháng 9/2022. Tính từ đỉnh giá cao nhất năm 2022 (1.536,45 điểm) tới đáy trong tháng 10, VN-INDEX đã giảm mạnh -37,36%, cao hơn mức giảm mạnh trong năm 2022 do đại dịch Covid.





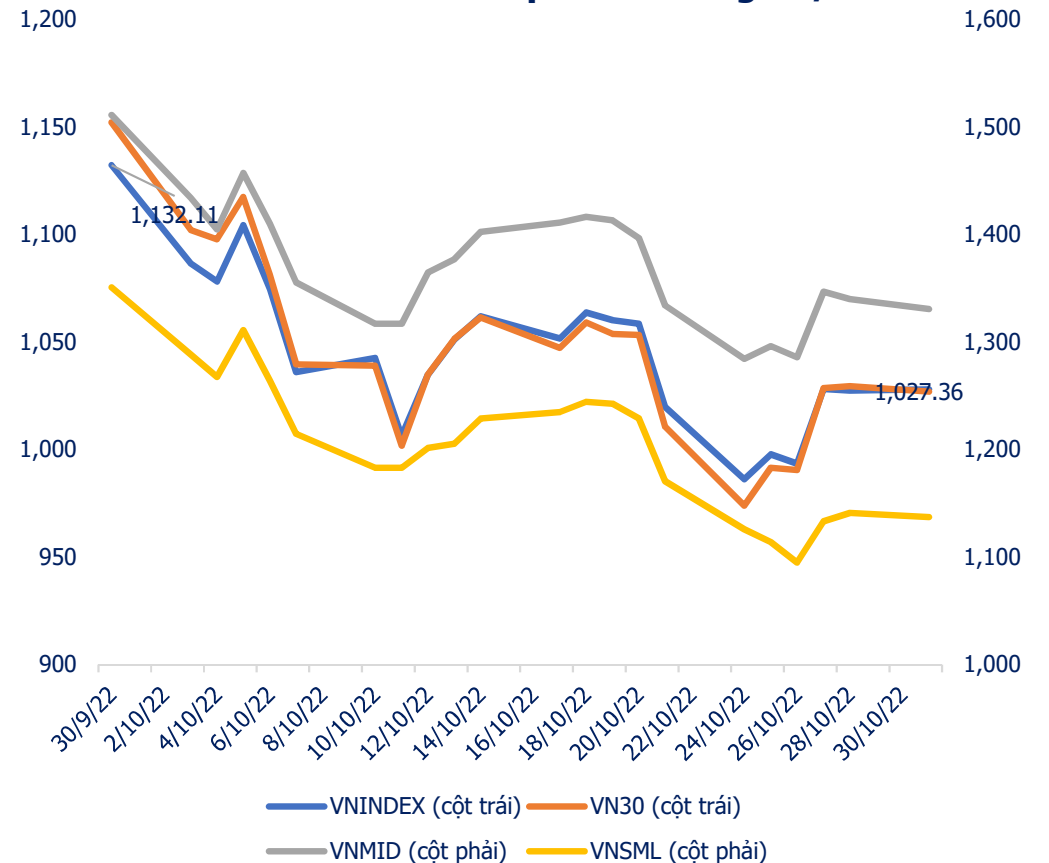
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 10

□ Trong tháng 10, các cổ phiếu vốn hóa nhỏ tiếp tục là nhóm chịu thiệt hại nặng nhất khi chỉ số VNSML giảm -15,81% so với mức giảm -11,93% của VNMID và -10,87% của VN30. Với mức giảm 9,2% trong tháng 10, VNINDEX kể từ đầu năm đã giảm 31,4% và là một trong những thị trường giảm mạnh nhất khu vực và thế giới (xếp sau chỉ số Hang Seng của thị trường Hong Kong có mức giảm 36,8%).

Tăng trưởng các chỉ số thị trường trong năm 2022



Diễn biến TTCK Việt Nam tháng 10/2022

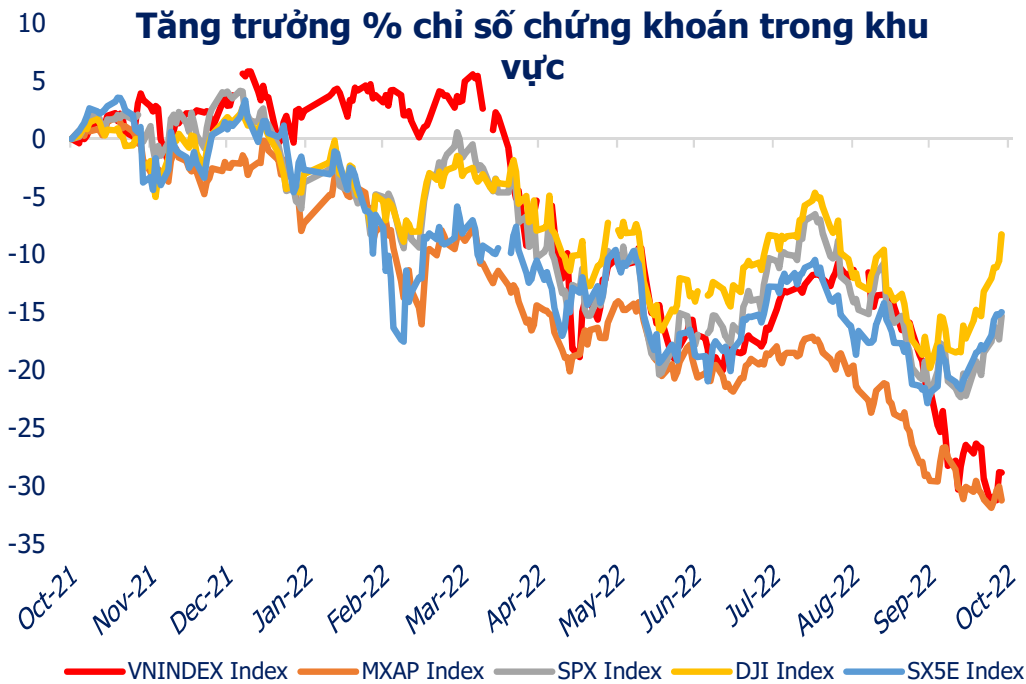


Nguồn: Fiigroup, SHS Research



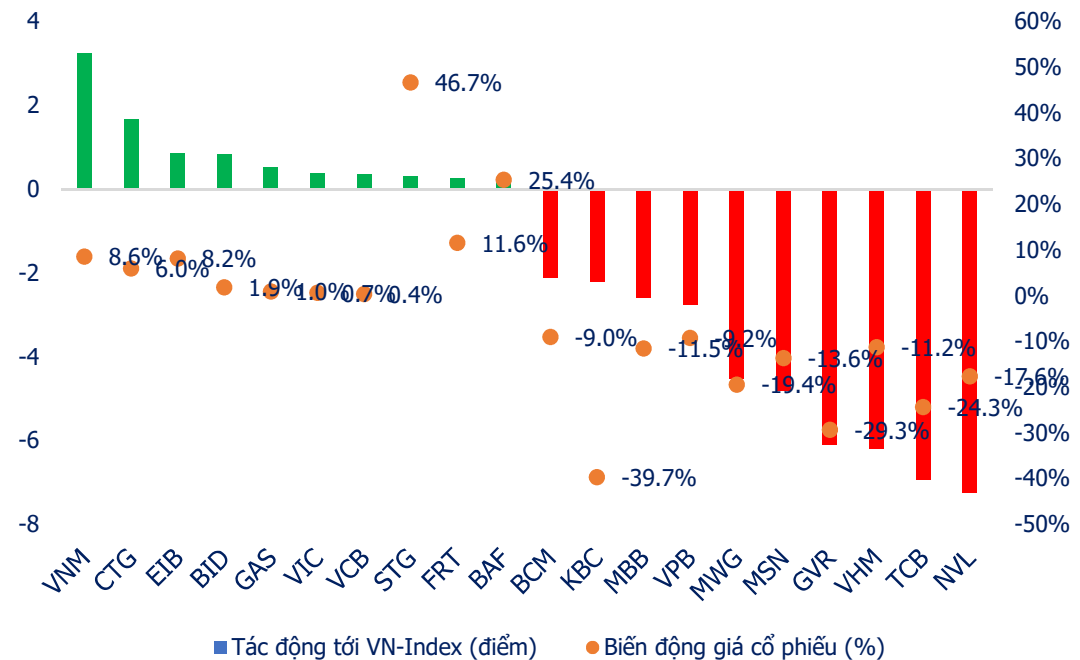
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 10

- ❑ **Chứng khoán Việt Nam diễn biến lệch pha trong tháng 10** khi các thị trường khác trên thế giới phục hồi cùng với đà đi lên của chứng khoán Mỹ (DJI INDEX có tháng 10 tăng điểm mạnh nhất kể từ năm 1976). Vốn hóa toàn thị trường cuối tháng 10/2022 khoảng 232 tỉ USD, tương đương 63%-65% GDP năm 2022 với kỳ vọng tăng trưởng 7,5%, thấp hơn khá nhiều so với mục tiêu 100% GDP trong năm 2025 của Chính Phủ.
- ❑ Nhóm cổ phiếu có ảnh hưởng tiêu cực đến VN-INDEX là các ngân hàng, các công ty có tỉ lệ phát hành trái phiếu cao trước những lo ngại về rủi ro từ thị trường trái phiếu như TCB, MBB, VPB hay NVL, VHM, KBC..., tiếp theo là các cổ phiếu bán lẻ như MWG, MSN trước những đánh giá kém tích cực về triển vọng tăng trưởng bán lẻ. Số ít cổ phiếu có ảnh hưởng tích cực đến từ VNM, GAS và các ngân hàng trong nhóm Big 4 như VCB, BID, CTG...



Nguồn: Bloomberg, SHS Research

Top cổ phiếu ảnh hưởng nhất đến VN-Index trong tháng 10/2022

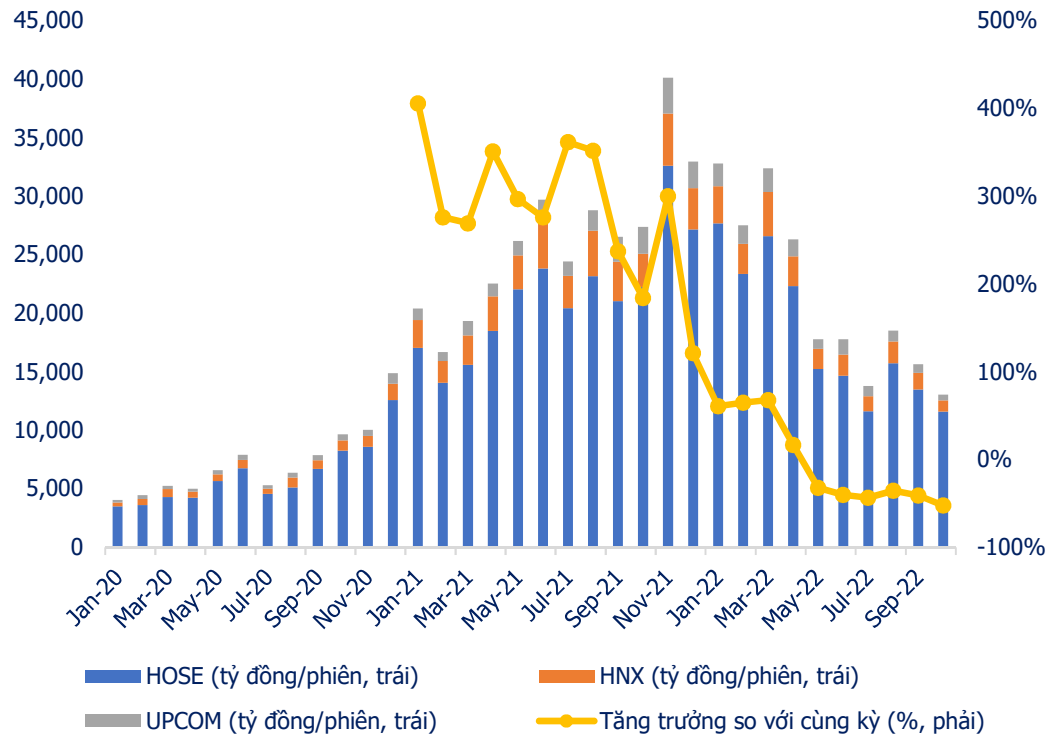




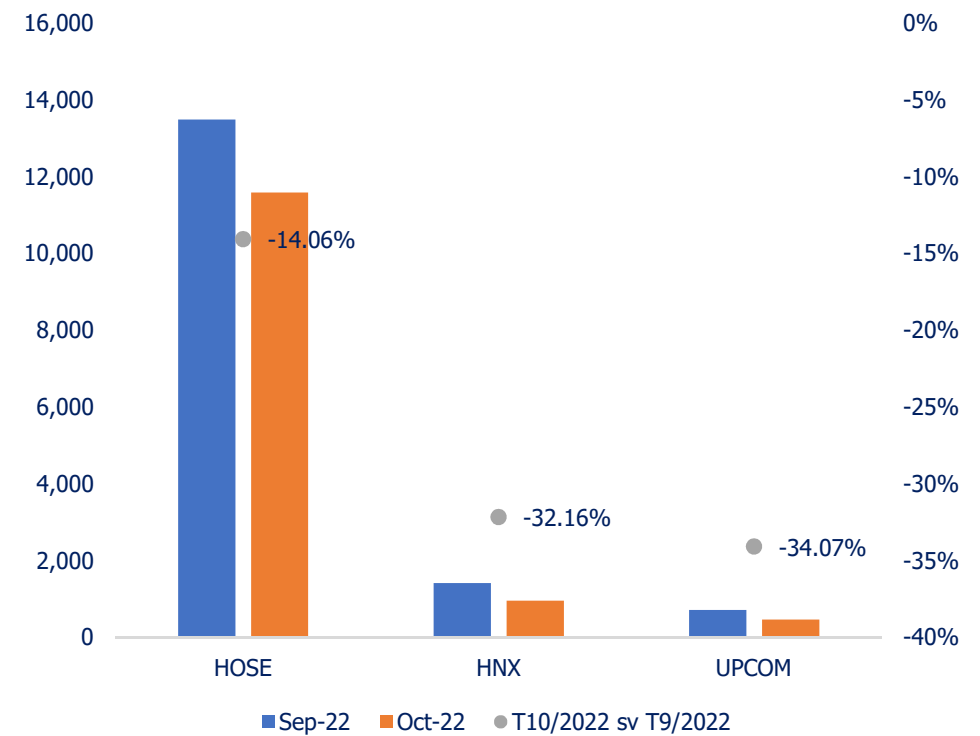
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 10

- ❑ **Thanh khoản thị trường tiếp tục giảm trong tháng 10.** Giá trị giao dịch trung bình cả 3 sàn tháng 10 đạt 13.032,93 tỷ đồng/phiên, giảm 16,63% so với tháng 09/2022. Trong đó thanh khoản sàn HOSE đạt trung bình 11.593,43 tỷ đồng giảm -14,06% so với tháng 09.
- ❑ Tổng khối lượng cổ phiếu giao dịch trong tháng 10 đạt trên 10,7 tỷ cổ phiếu, tăng 5,45% so với tháng 9 cho thấy áp lực bán từ các hoạt động rút vốn của các quỹ đầu tư, áp lực bán giải chấp mạnh trong đó nổi bật nhất là cổ phiếu HPG với tổng khối lượng khớp lệnh trong tháng 10 lên tới trên 612,6 triệu cổ phiếu, tăng 61,3% so với tháng 9.

GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



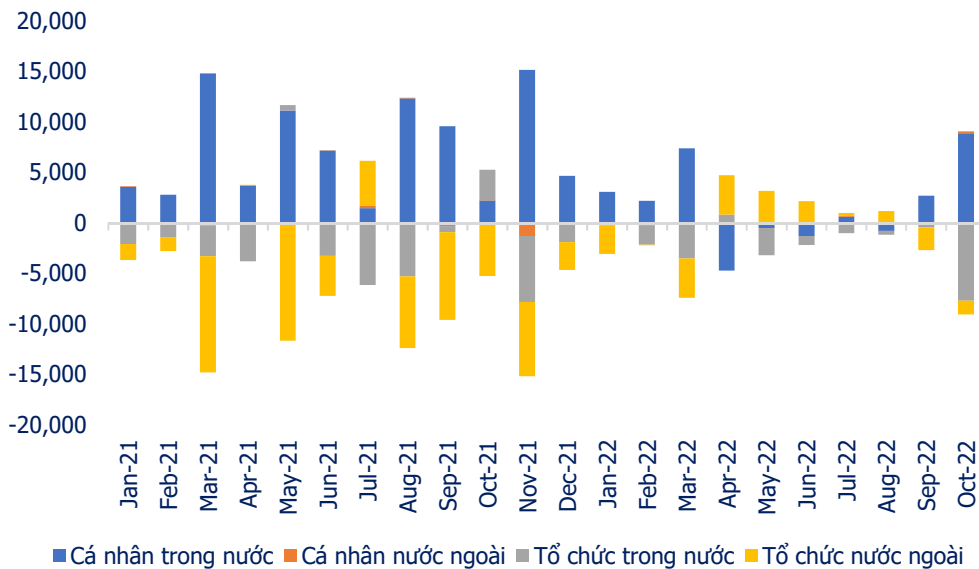
Nguồn: Fiingroup, SHS Research



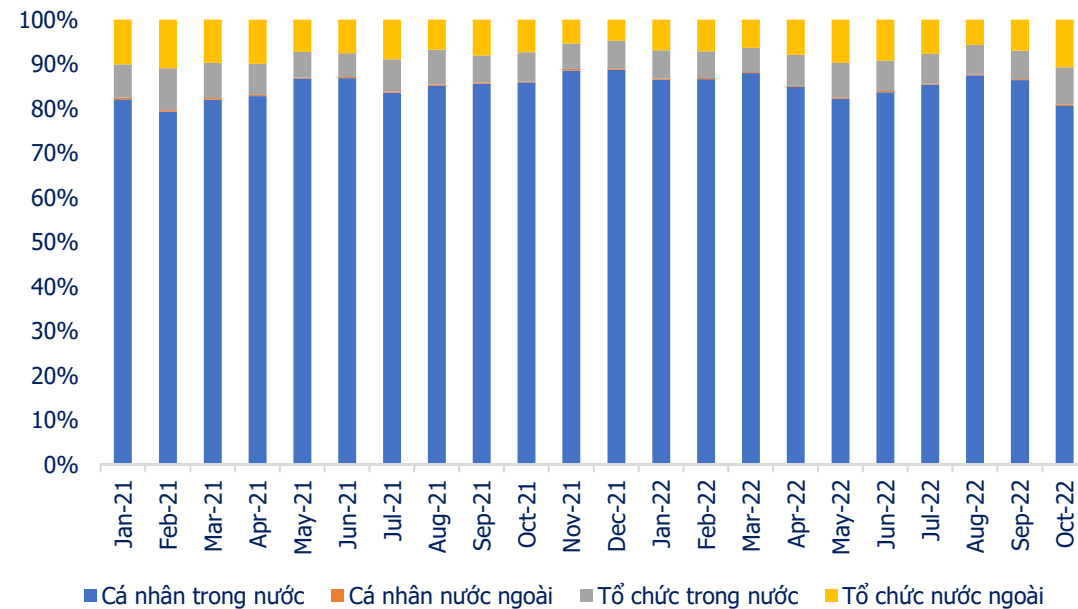
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 10

- Nhà đầu tư cá nhân trong nước tiếp tục mua ròng trong tháng 10/2022.** Mức độ mua ròng tăng mạnh lên 8.887,0 tỉ đồng so với 2.704,6 tỉ đồng trong tháng 9 sau khi bán ròng trong tháng 8. Ngược lại, tổ chức nước ngoài tiếp tục bán ròng tháng thứ 2 với giá trị bán ròng -1.386,9 tỉ đồng. Tổ chức trong nước tiếp tục bán ròng tháng thứ 6 liên tiếp kể từ tháng 05/2022, mức độ bán ròng gia tăng mạnh hơn lên -7.697,5 tỉ đồng. Như vậy sau 06 tháng liên tục tổng mức bán ròng của tổ chức trong nước lên đến -13.018,94 tỉ đồng. Tính từ đầu năm 2022 tổ chức trong nước bán ròng -17,654,78 tỉ đồng và nếu tính từ tháng 01/2021 mức độ bán ròng lên đến -48.202,92 tỉ đồng.
- Tỷ trọng giao dịch của nhà đầu tư cá nhân giảm về mức 80,58%, thấp hơn mức trung bình 85%. Ngược lại tổ chức trong nước tỷ trọng tăng mạnh lên 8,41% (trung bình 6,8%) và tổ chức nước ngoài tăng lên 10,74% trong tháng 10/2022 (trung bình là 7,95%). Điểm tiêu cực đối với thị trường là áp lực bán ròng của nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước đến từ áp lực rút vốn ròng khỏi các quỹ đầu tư tăng đột biến.

Giá trị giao dịch ròng theo loại nhà đầu tư (tỷ đồng)



Tỷ trọng giao dịch theo loại nhà đầu tư theo tháng



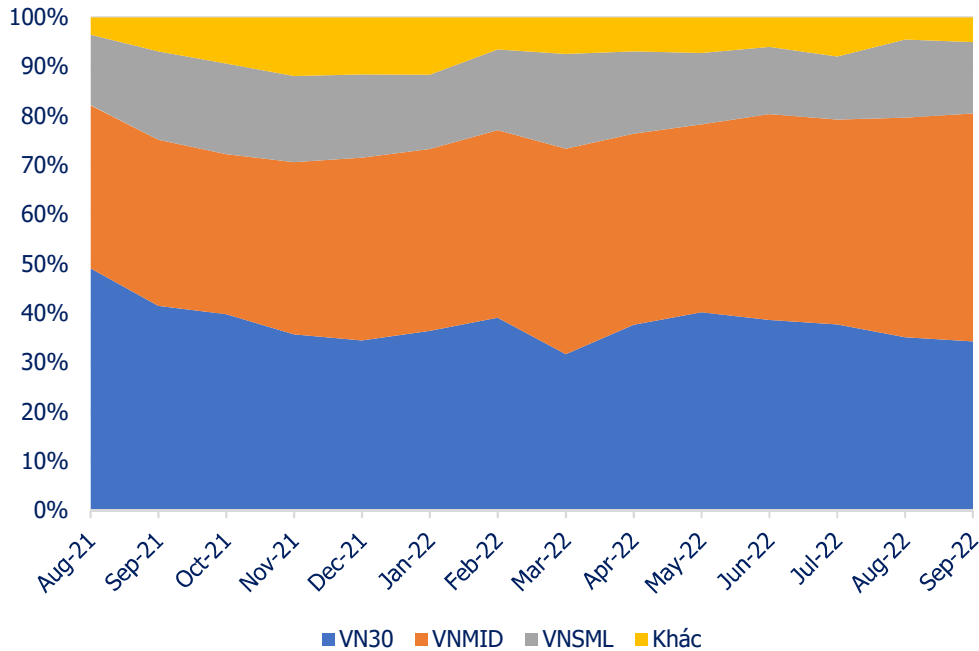
Nguồn: Fiigroup, SHS Research



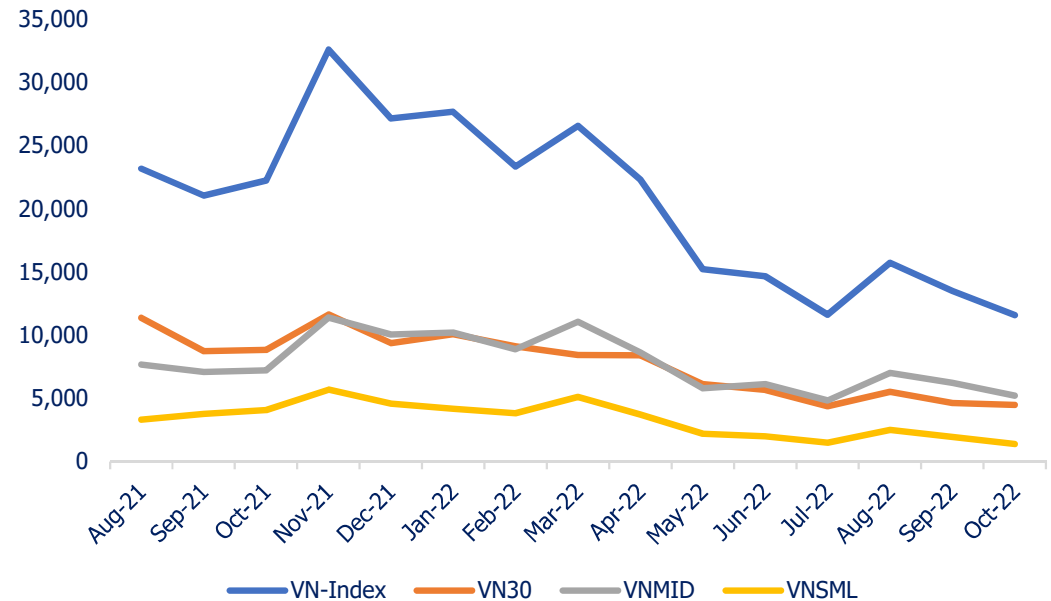
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 10

□ Nhà đầu tư cá nhân vẫn ưa chuộng giao dịch ở nhóm cổ phiếu midcaps khi tỷ trọng giao dịch VNMID duy trì ở mức cao, chiếm 45,04% so với thị trường. Trong khi đó giao dịch tại nhóm VN30 tăng mạnh lên chiếm 38,74% thị trường xuất phát từ các tổ chức trong và ngoài nước. Nhóm cổ phiếu VNSML và cổ phiếu khác chiếm 16,18% tiếp tục suy giảm mạnh về mức thấp nhất tính từ tháng 08/2021. Tổng vốn hóa của VN30 cũng có xu hướng giảm dần về mức 50% so với toàn bộ thị trường.

Tỷ trọng giá trị giao dịch bình quân trên VN-Index



Giá trị giao dịch bình quân phiên trong 12 tháng gần nhất (tỷ đồng)



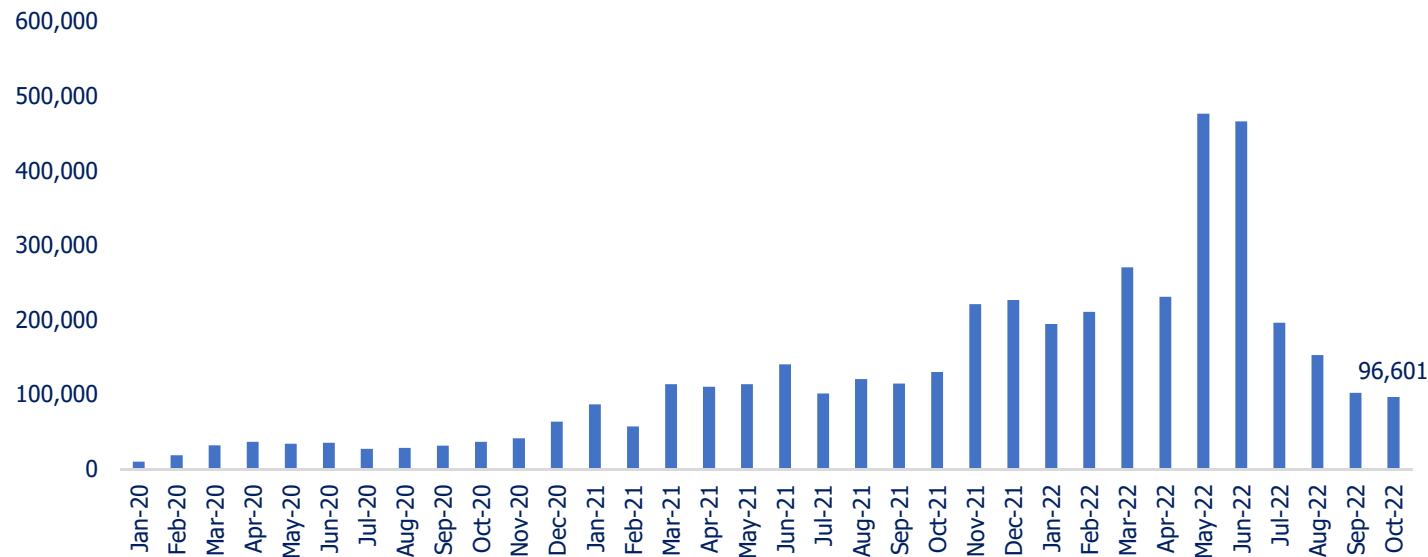
Nguồn: Fiingroup, VSD, SHS Research



TỔNG QUAN TTCK THÁNG 10

- Số lượng tài khoản nhà đầu tư cá nhân và tổ chức (trong nước và nước ngoài) mở mới trong tháng 10 tiếp tục suy giảm so với tháng trước đó với chỉ 96.601 tài khoản, chỉ bằng 20,26% so với kỷ lục về số tài khoản mở mới trước đó trong tháng 5 là 476.711 tài khoản. Lũy kế trong 10 tháng đầu năm, đã có tổng cộng 2.398.970 tài khoản mở mới gia nhập thị trường chứng khoán Việt Nam, tăng 55,9% so với tổng tài khoản mở mới trong năm 2021 (1.538.802 tài khoản) và gấp 6,05 lần so với tổng số tài khoản mở mới trong cả năm 2020 (396.515 tài khoản).
- Tổng số tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư trong nước tới hết tháng 10 đạt 6,67 triệu tài khoản, tương đương khoảng 6,7% dân số, vượt mục tiêu 5% theo chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam đến năm 2025.

**Số lượng tài khoản chứng khoán mở mới theo tháng
(cá nhân và tổ chức, trong nước và ngoài nước)**



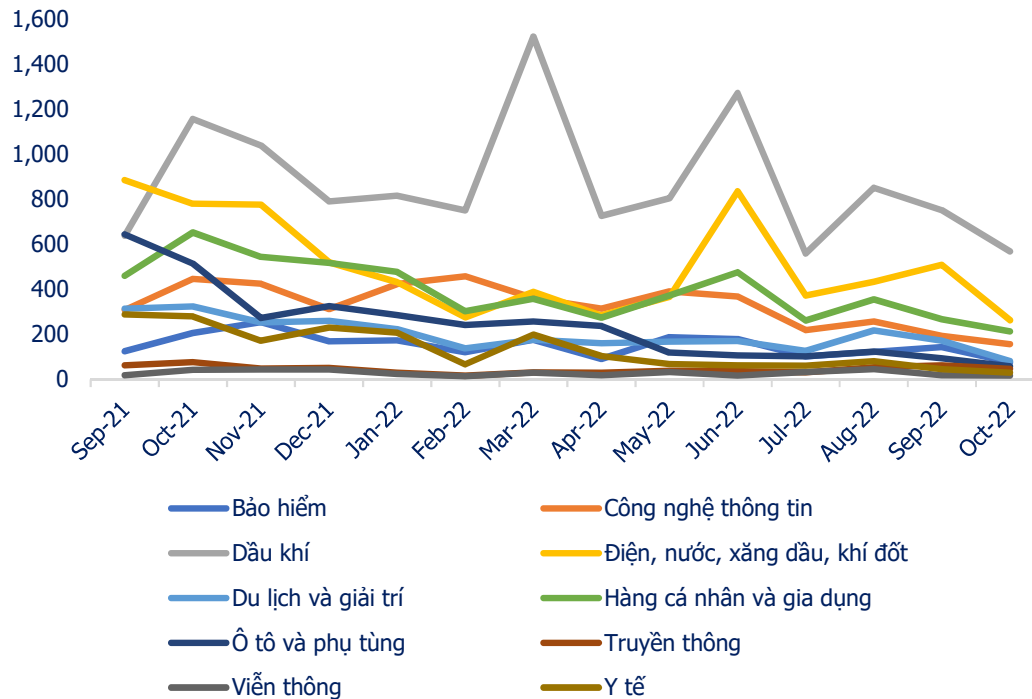
Nguồn: Fiigroup, VSD, SHS Research



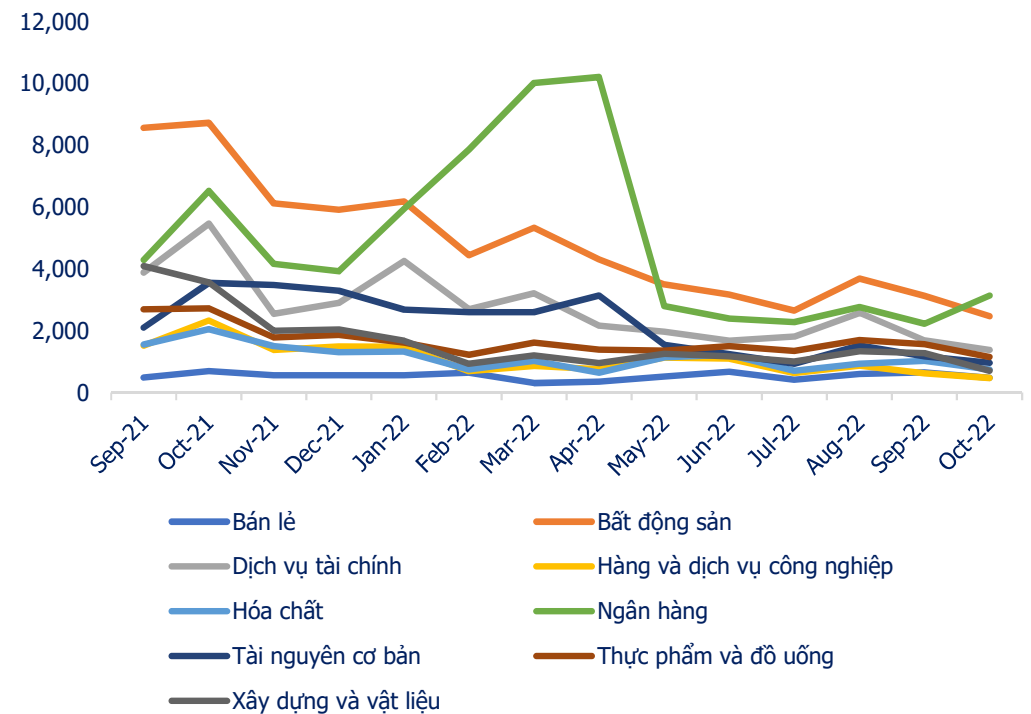
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 10

- Thanh khoản các ngành đều suy giảm trong bối cảnh thị trường kém tích cực ngoại trừ nhóm ngân hàng chịu áp lực bán mạnh nên giá trị giao dịch trung bình tăng đột biến 40% so với tháng 9.

GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 1)



GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 2)



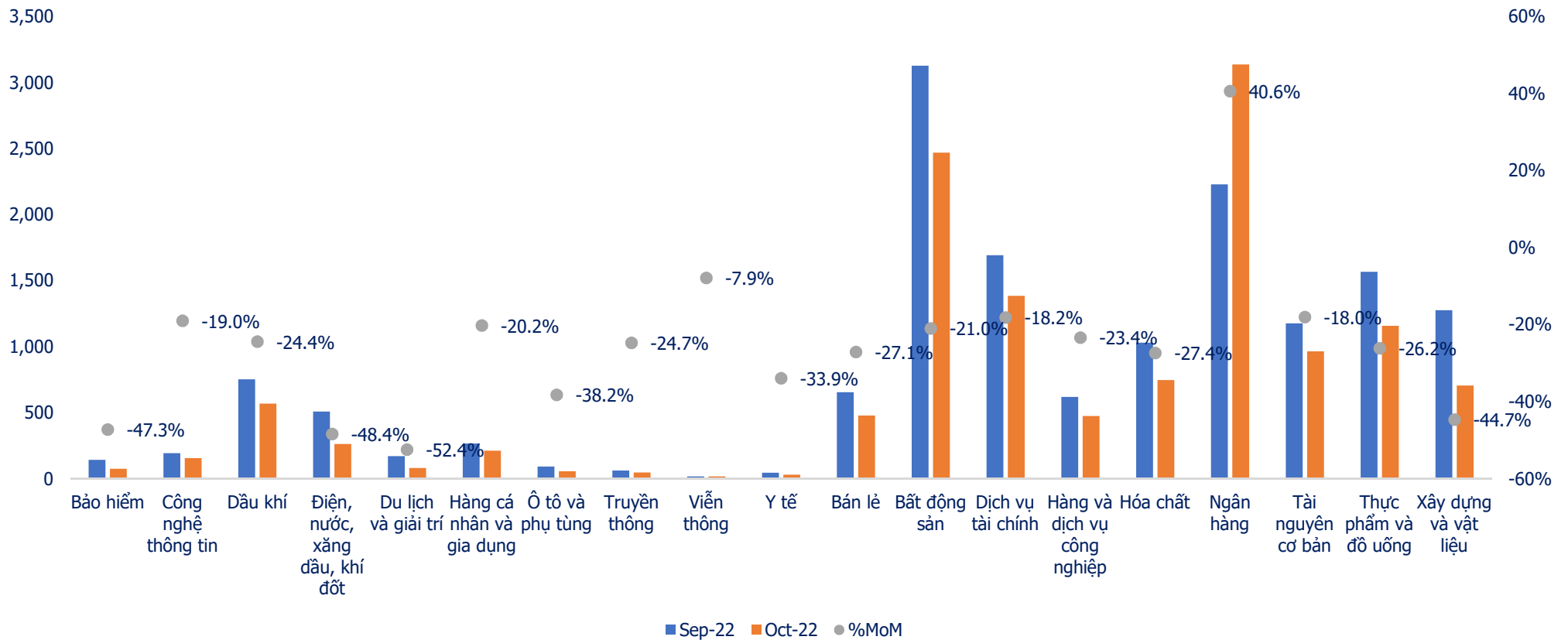
Nguồn: Fiigroup, SHS Research



TỔNG QUAN TTCK THÁNG 10

- Ngoài ngân hàng, các nhóm ngành chiếm tỉ trọng lớn trong giao dịch tháng 10 vẫn là bất động sản và dịch vụ tài chính.

Giá trị giao dịch bình quân phiên theo nhóm ngành

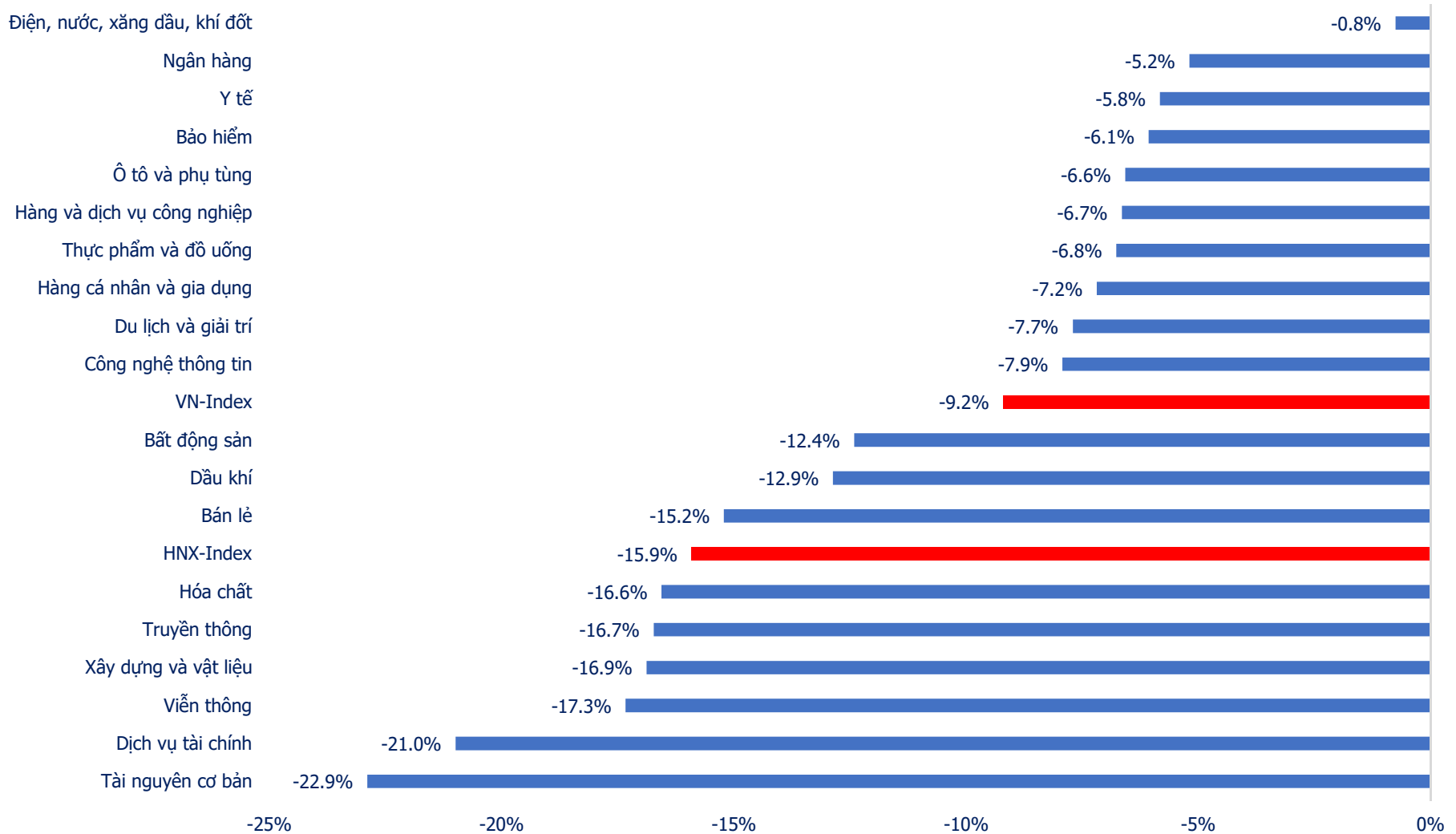


Nguồn: Fiigroup, SHS Research



TỔNG QUAN TTCK THÁNG 10

Tăng/giảm các nhóm ngành và chỉ số thị trường trong tháng 10/2022



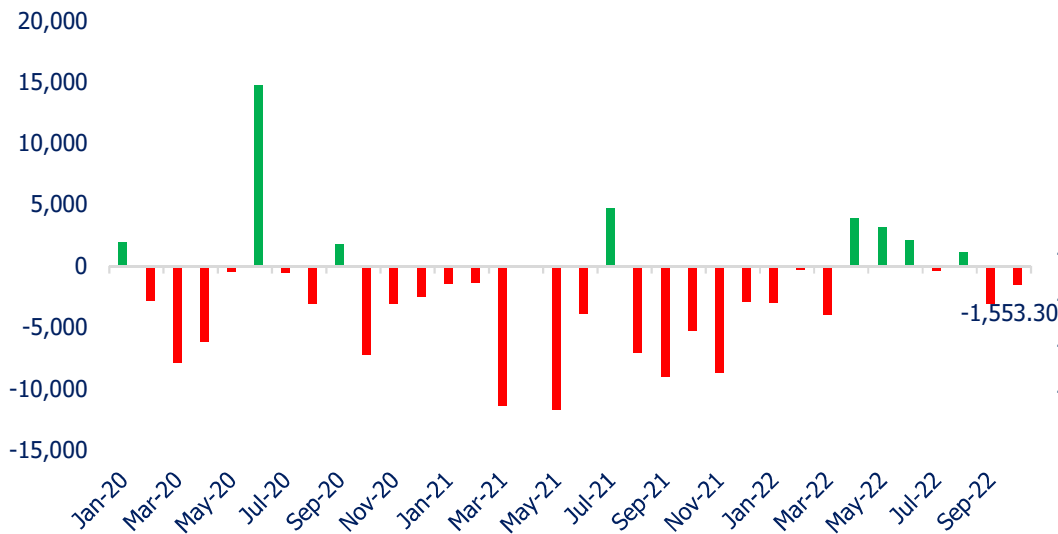
Nguồn: Fiingroup, SHS Research



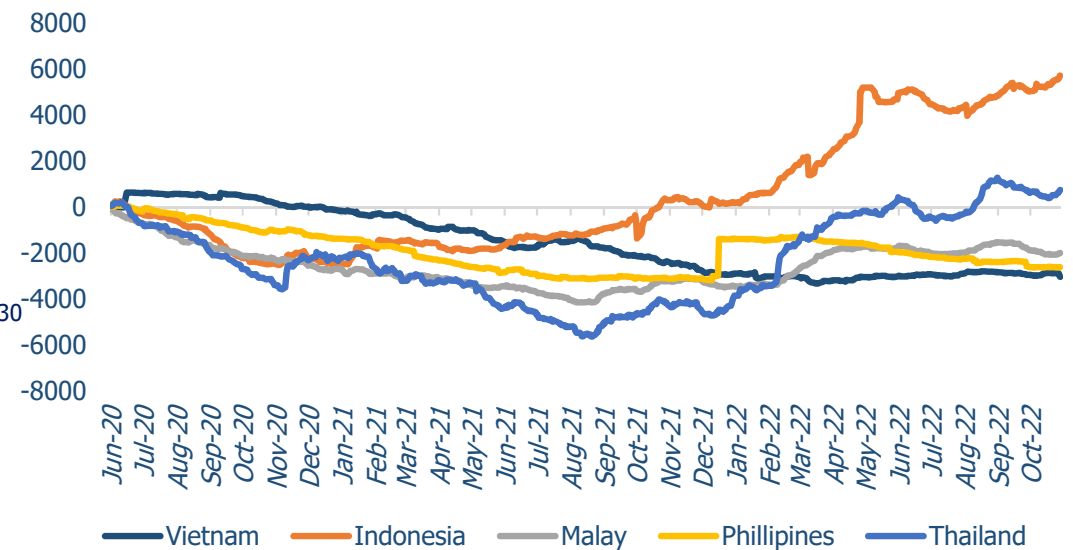
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 10

- ❑ **Khối ngoại có tháng bán ròng thứ 2 liên tiếp** với giá trị ròng tổng cộng là 1.311,25 tỷ đồng trên cả 3 sàn. Trên HOSE, khối này bán ròng 1.553,3 tỷ đồng tuy nhiên nếu loại trừ 2.720 tỷ đồng bán ròng qua thỏa thuận thì khối này mua ròng khớp lệnh 1.166 tỷ đồng so với mức bán ròng 2.578 tỷ đồng trong tháng 9.
- ❑ EIB là mã chứng khoán bị khối ngoại bán ròng nhiều nhất trong tháng 10 với 3.341,1 tỷ đồng. Trong khi đó, HPG là mã chứng khoán được mua ròng mạnh nhất với 881,63 tỷ đồng.

Giá trị mua/bán ròng của NĐTNN trên HOSE theo tháng từ 2020 -2022 (tỷ đồng)



Lũy kế giao dịch cổ phiếu khối ngoại (2020-2022)



Đơn vị: Triệu USD

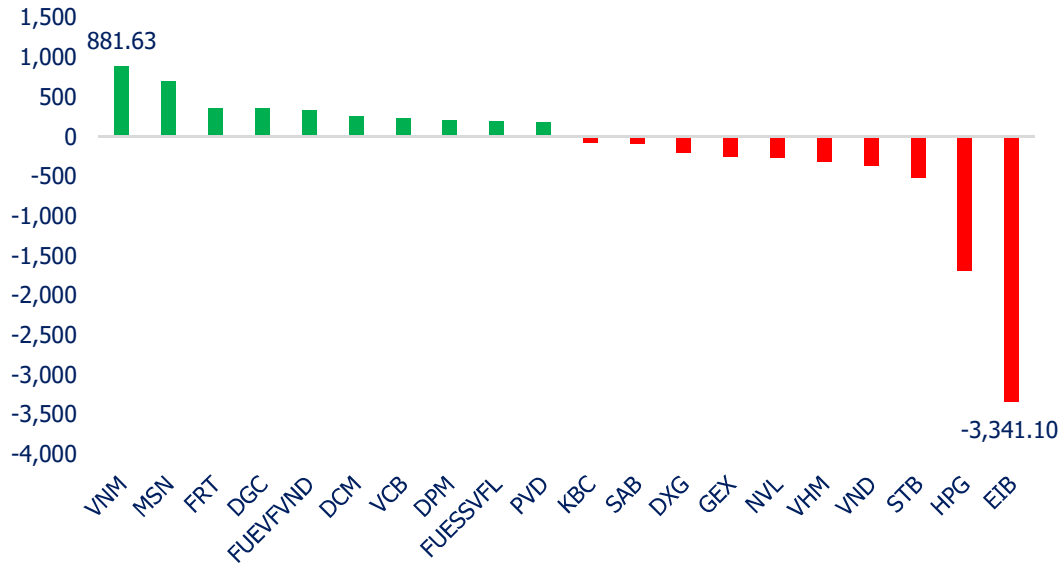
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research



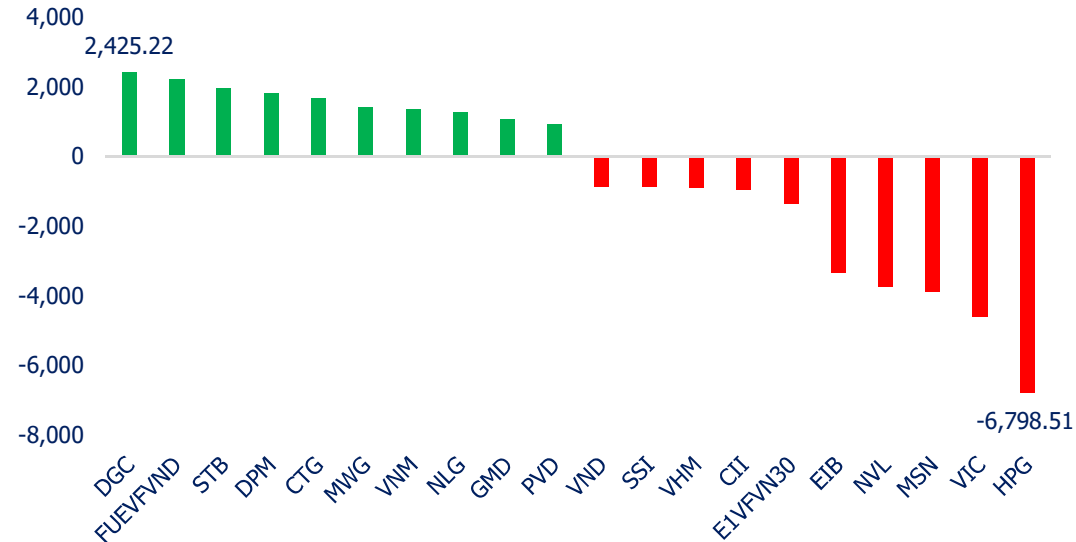
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 10

- Trong 10 tháng đầu năm 2022, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng 2.043,69 tỷ đồng trên HOSE. Cụ thể, khối ngoại bán ròng 6.560 tỷ đồng trong Q1, mua ròng trong Q2 với giá trị là 10.632 tỷ đồng, bán ròng 3.054,68 tỷ đồng trong Q3 và bán ròng 1.553,3 tỷ đồng trong tháng 10.
- Cổ phiếu HPG và VIC bị bán ròng mạnh nhất trong 10 tháng đầu năm với lần lượt 6.798,51 tỷ đồng và 4.597,76 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, DGC và FUEVFN30 là hai mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với giá trị ròng lần lượt đạt 2.425,22 tỷ đồng và 2.224,56 tỷ đồng.

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong tháng 10/2022 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong 10 tháng đầu năm 2022 (tỷ đồng)

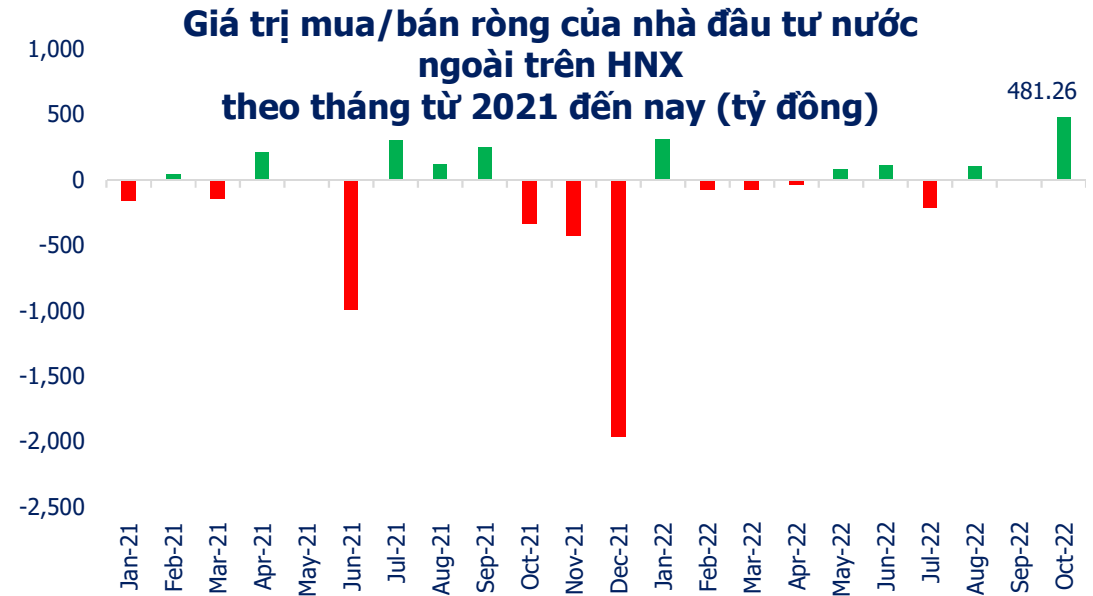


Nguồn: Fiingroup, SHS Research



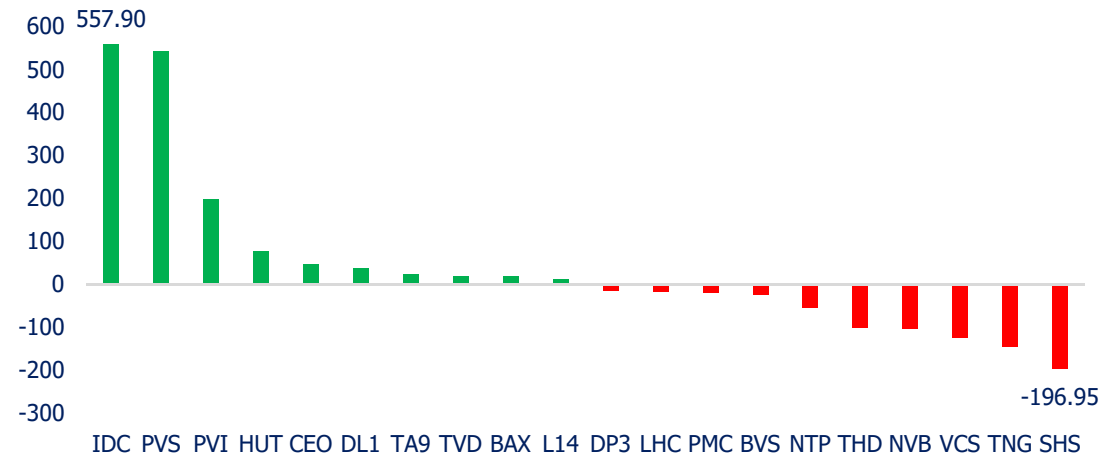
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 10

- Khối ngoại mua ròng 481,26 tỷ đồng tại HNX trong tháng 10. Lũy kế từ đầu năm 2022, nhà đầu tư nước ngoài mua ròng nhẹ trên sàn HNX với giá trị 693,63 tỷ đồng.
- IDC là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất trong tháng 10 với 324,9 tỷ đồng. Trong khi đó, ở chiều ngược lại, VNC là mã chứng khoán bị bán ròng mạnh nhất với 2,03 tỷ đồng. Tính chung trong 10 tháng, IDC và PVS là hai mã được mua ròng mạnh nhất. Trong khi đó, SHS và TNG là hai mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất.



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong tháng 10/2022 (tỷ đồng)

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong 10 tháng đầu năm 2022 (tỷ đồng)



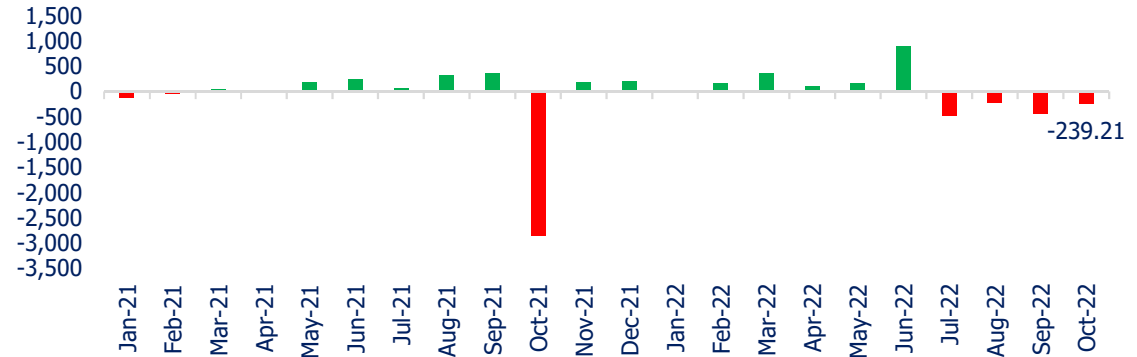
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research



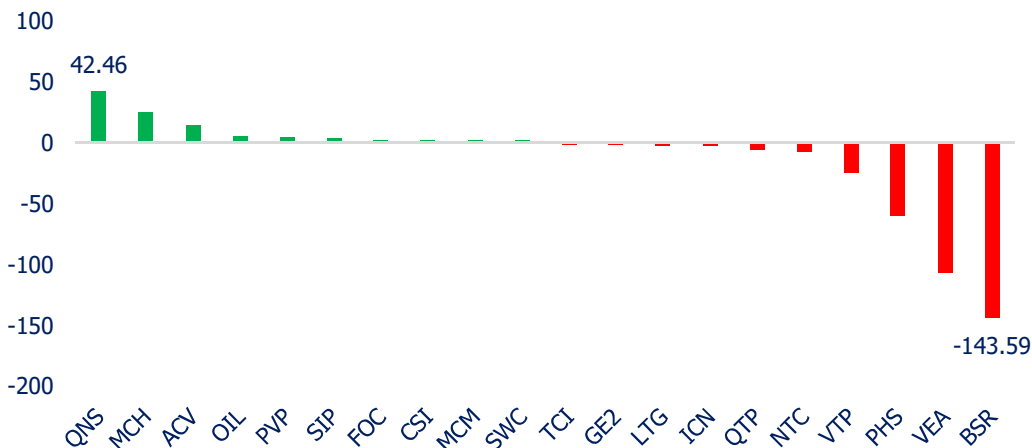
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 10

- Khối ngoại bán ròng 239,21 tỷ đồng trên UPCOM trong tháng 10. Tính chung trong 10 tháng đầu năm 2022, khối này mua ròng trên UPCOM với giá trị 239,21 tỷ đồng.
- QNS là mã được mua ròng mạnh và BSR là mã bị khối ngoại bán ròng nhiều nhất trong tháng 10. Tính từ đầu năm, QNS và BSR là hai mã được mua ròng nhiều nhất với giá trị ròng lần lượt là 450,22 tỷ đồng và 258,5 tỷ đồng. VEA và SGB là hai mã bị bán ròng nhiều nhất trong 10 tháng với giá trị ròng lần lượt là 310,43 tỷ đồng và 309,06 tỷ đồng.

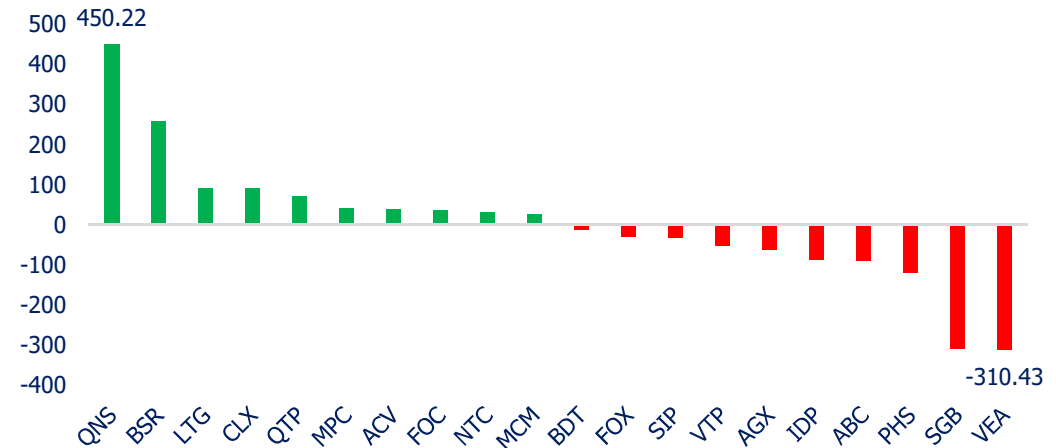
Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên UPCOM theo tháng từ 2021 đến nay (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong tháng 10/2022 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong 10 tháng đầu năm 2022 (tỷ đồng)



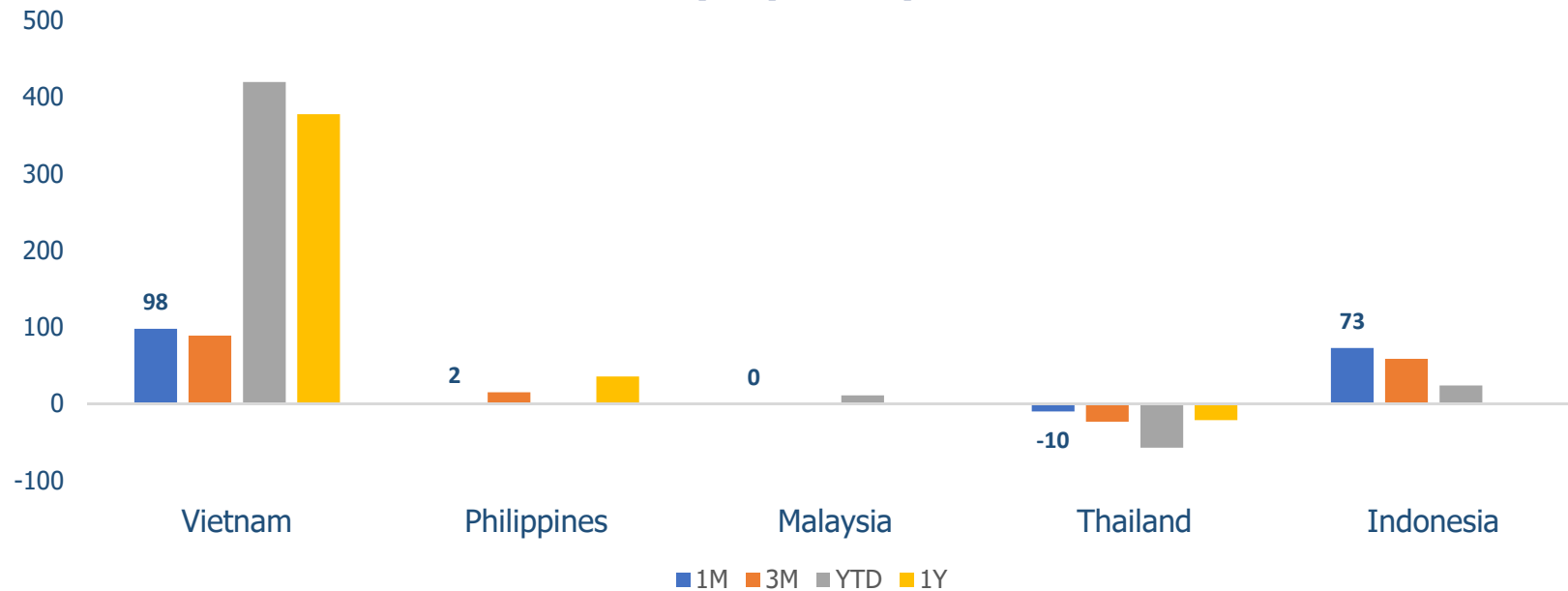
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research



TỔNG QUAN TTCK THÁNG 10

- ❑ Dòng vốn ETF tại thị trường Đông Nam Á trong tháng 10 có chuyển biến tích cực khi hút ròng 163 triệu USD (tháng 9 hút ròng 26 triệu USD) trong đó Việt Nam hút ròng mạnh nhất với 98 triệu USD, tiếp sau là Indonesia (73 triệu USD). Dòng vốn tích cực tiếp tục duy trì ở mức cao tại Indonesia khi 2 tháng liên tiếp hút ròng với tổng khối lượng 113 triệu USD. Thái Lan chứng kiến tháng rút ròng thứ 5 liên tiếp với giá trị 10 triệu USD trong tháng 10 chủ yếu đến từ ETF ISHARE MSCI THAILAND.
- ❑ Tại Việt Nam, FUBON FTSE ETF duy trì hút ròng tháng thứ 10 liên tiếp với khối lượng giải ngân lớn so với các tháng trong năm (58 triệu USD). Tình thế đảo chiều diễn ra ở quỹ DCVFMVN Diamond ETF khi hút ròng với 11 triệu USD sau 3 tháng liên tiếp bị rút ròng với khối lượng 71 triệu USD. Tương tự quỹ VanEck ETF hút ròng 21 triệu USD sau 7 tháng liên tiếp rút ròng với khối lượng 46 triệu USD. Ở chiều ngược lại, quỹ Xtrackers ETF và Global X MSCI ETF bị rút ròng nhưng với khối lượng không đáng kể.

**Dòng vốn ETF theo quốc gia
(Triệu USD)**





TỔNG QUAN TTCK THÁNG 10

Tên quỹ	Loại hình	Tổng AUM (triệu USD)	NAV (tỷ USD)	Số lượng CCQ	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
					1M	3M	YTD	1Y
DCVFMVN Diamond ETF (VND)	ETF	657	1.2	622,700,000	11	-38.5	181.2	203.2
Fubon FTSE Vietnam ETF (TWD)	ETF	560	0.5	1,248,238,000	58.4	75.2	306.8	261.9
DCVFMVN30 ETF Fund (VND)	ETF	290.5	0.9	343,000,000	3.9	-6.6	-76.9	-65.9
VanEck Vietnam ETF (USD)	ETF	323.5	14.9	24,550,000	21.3	19.4	-24.8	-37.2
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF (EUR)	ETF	268.7	33.7	8,931,310	(0.9)	31.0	15.1	-1.2
SSIAM VNFIN LEAD ETF (VND)	ETF	121.9	0.7	187,800,000	(3.3)	3.2	17.3	41.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF (KRW)	ETF	129.5	15.7	8,000,000	0.0	-3.2	-21.6	-30.7
Premia MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	21.1	9.9	2,400,000	0.0	0.5	0.1	0.6
SSIAM VNX50 ETF (VND)	ETF	10.9	1.0	15,700,000	0.2	0.2	2.3	2.3
Asian Growth CUBS ETF (USD)	ETF	10.2	21.5	520,000	0.0	0.2	0.2	0.2
Global x MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	4.7	19.5	270,000	-1.3	-2.7	3.6	3.6
SSIAM VN30 ETF (VND)	ETF	3.3	0.8	5,400,000	0.0	0.0	0.0	-0.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 Fututres Leverage ETF (KRW)	ETF	4.7	10.6	500,000	0.0	0.0	3.6	-6.8
KIM GROWTH VN30 ETF (VND)	ETF	14.9	0.3	51,500,000	2.1	6.4	14	-

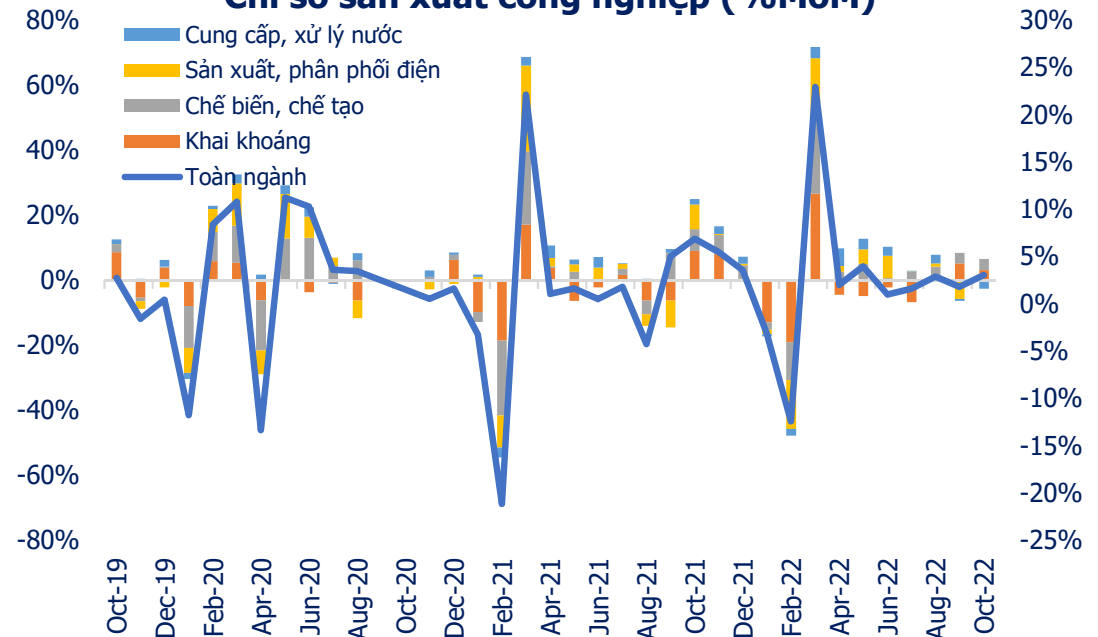
Nguồn: Bloomberg, SHS Research

□ Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tiếp tục tăng trưởng nhờ các doanh nghiệp đã chủ động hơn về lao động và kế hoạch sản xuất kinh doanh, IIP tháng 10 theo đó tăng 3,0% MoM và tăng 6,3% YoY. Tính chung 10 tháng, IIP tăng 9,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,6%, ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,8% và ngành khai khoáng tăng 5%.

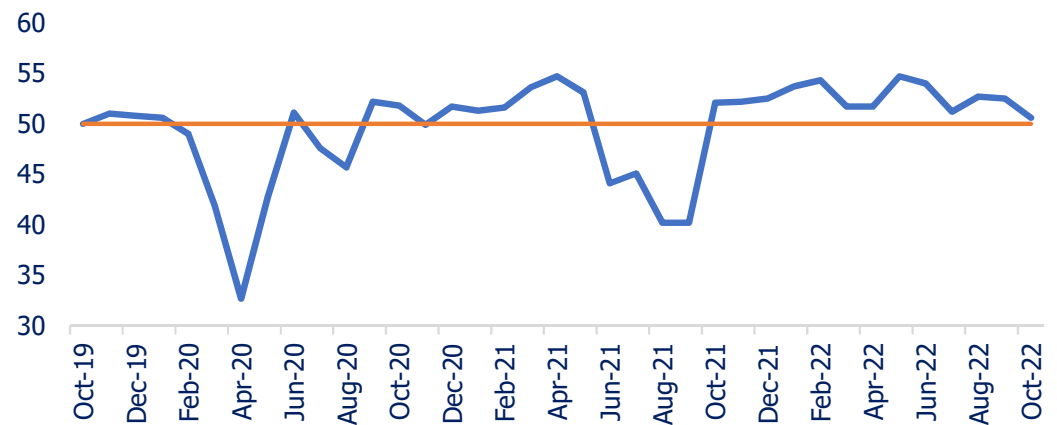
□ PMI tháng 10 đạt 50,6 điểm, giảm từ mức 52,5 điểm của tháng trước cho thấy dấu hiệu suy thoái kinh tế toàn cầu đang bắt đầu ảnh hưởng tới lĩnh vực sản xuất của Việt Nam khi cả số lượng đơn hàng mới và xuất khẩu đều tăng yếu nhất trong 13 tháng:

- Số lượng đơn đặt hàng mới chậm lại, ghi nhận mức tăng thấp nhất kể từ tháng 10/2021. Xuất hiện những dấu hiệu cho thấy cầu giảm, nhu cầu hàng xuất khẩu cũng tăng với tốc độ chậm hơn.
- Hoạt động mua hàng hóa đầu vào chỉ tăng rất nhẹ, mức tăng thấp nhất trong vòng 7 tháng. Tốc độ tạo việc làm cũng thấp nhất kể từ tháng 7. Tồn kho hàng mua và thành phẩm đều giảm trong tháng 10.
- Tốc độ tăng chi phí đầu vào nhanh hơn nhưng vẫn tương đối thấp và chậm hơn nhiều so với trước đó. Thời gian giao hàng của nhà cung cấp tiếp tục được rút ngắn trong tháng 10.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (%MoM)



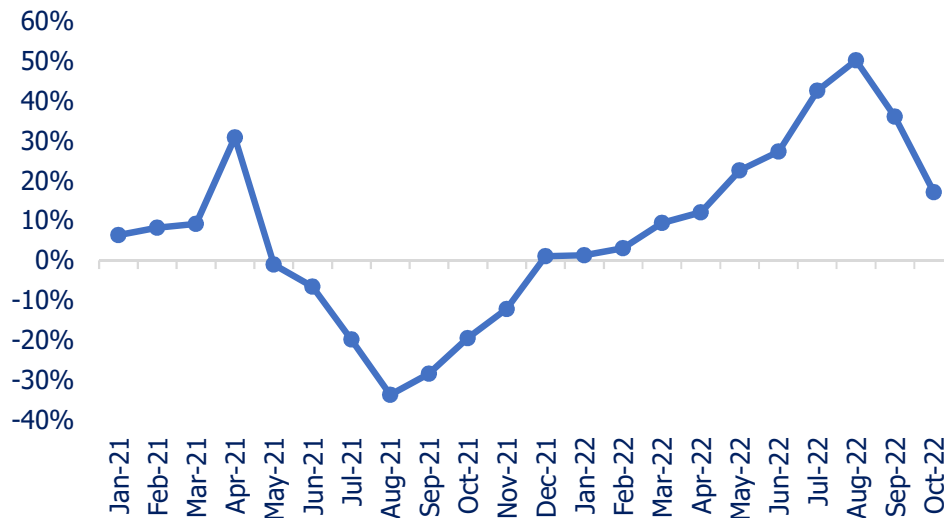
Chỉ số PMI



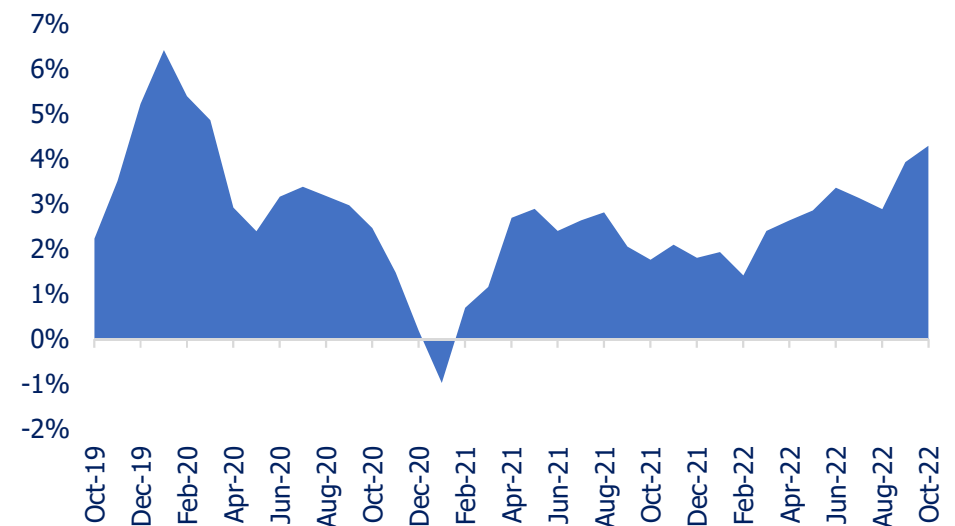
Nguồn: GSO, Bloomberg, SHS tổng hợp

- Sức mua hồi phục trong tháng 10.** Tăng trưởng bán lẻ tháng 10 ước đạt 486,4 nghìn tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 17,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 1,2% - các doanh nghiệp bán lẻ đang dần đón sóng mua sắm cuối năm, hầu hết doanh nghiệp đều xem cuối năm là dịp tốt để kích cầu tiêu dùng, bởi đây là giai đoạn có thể đóng góp 30% - 40% doanh số cả năm; nhóm dịch vụ lưu trú ăn uống giảm nhẹ (-2,1%), nhóm du lịch lữ hành cũng giảm 8,6% do nhu cầu giảm khi đã qua thời gian nghỉ hè và thời tiết mưa bão tại nhiều nơi. Tính chung 10 tháng năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 4.643,6 nghìn tỷ đồng, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm trước.
- CPI tháng 10 tăng 0,15% so với tháng 9.** Giá thuê nhà tăng trở lại do nhu cầu của người dân tăng cao và một số địa phương tăng học phí năm học mới 2022-2023 đã làm cho CPI tháng 10 tăng. So với tháng 12/2021, CPI tháng 10 tăng 4,16% và so với cùng kỳ 2021 tăng 4,3%. Theo đó, nhóm giáo dục tăng 2,35%; nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng (+0,69%) so với tháng trước. Ngược lại, nhóm giao thông giảm 2,17% do giá xăng giảm ở các kỳ điều chỉnh trong tháng.

Tăng trưởng bán lẻ



CPI (YoY)

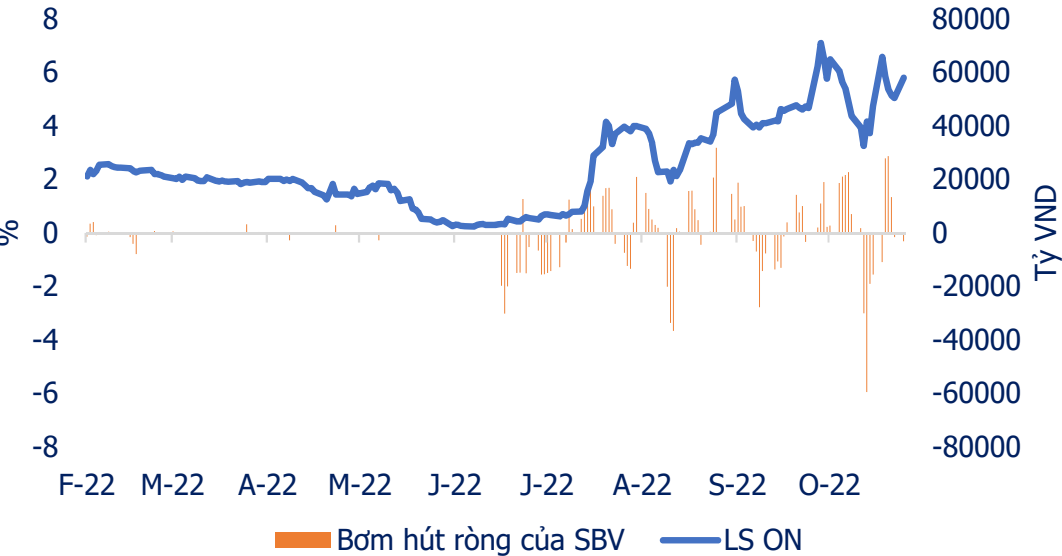


Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

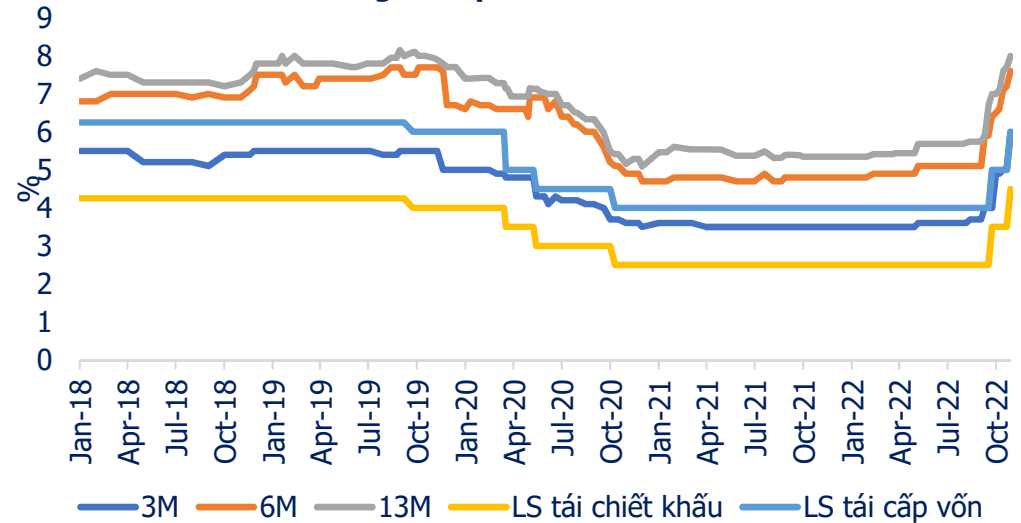


KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 10

Lãi suất liên ngân hàng ON và bơm hút ròng của SBV qua OMO



Lãi suất điều hành và lãi suất huy động giai đoạn 2018-2022



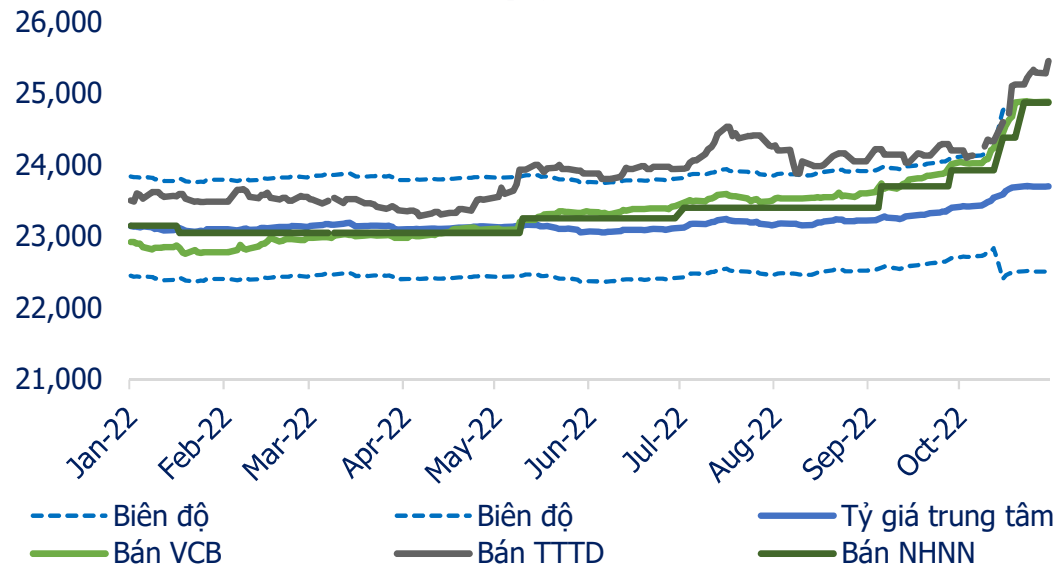
Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

- ❑ NHNN tiếp tục tăng lãi suất điều hành thêm 1% vào ngày 24/10/2022 và tăng trần lãi suất huy động kỳ hạn dưới 6 tháng lên 6%. Lãi suất huy động toàn hệ thống đã tăng lên khoảng 8% đối với kỳ hạn 6 tháng, 8.5% đối với kỳ hạn 12 tháng tại các Ngân hàng quy mô vừa và nhỏ. Lãi suất cho vay trung bình hiện khoảng 12%-13%, tăng khoảng 4% so với thời điểm đầu năm.
- ❑ Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống tính đến 25/10/2022 đạt 11,5%, từ mức 10,54% tại thời điểm cuối tháng 9, tương đương 100.250 tỷ đồng đã được bơm ra nền kinh tế. Lãi suất tăng giúp cải thiện tình hình huy động vốn của các Ngân hàng, tăng trưởng huy động đến 25/10 đạt 4,6%, cung tiền M2 đạt 3,09%, tăng so với mức 4,04% và 2,49% tại thời điểm cuối tháng 9.
- ❑ Lãi suất liên ngân hàng trong tháng 10 biến động tương đối lớn, phụ thuộc động thái bơm hút ròng của NHNN qua nghiệp vụ thị trường mở. Kết thúc tháng 10, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm ở mức 5.05%. Lãi suất liên ngân hàng có tín hiệu tăng vào đầu tháng 11 khi dự kiến FED sẽ tiếp tục tăng lãi suất điều hành tại kỳ họp ngày 2/11/2022 và thời điểm đầu tháng hệ thống Ngân hàng cần nguồn vốn đảm bảo dự trữ bắt buộc. Tuy nhiên, với động thái NHNN tiếp tục bơm ròng qua OMO, lãi suất liên ngân hàng dự báo sẽ dao động quanh mức 5-6%.



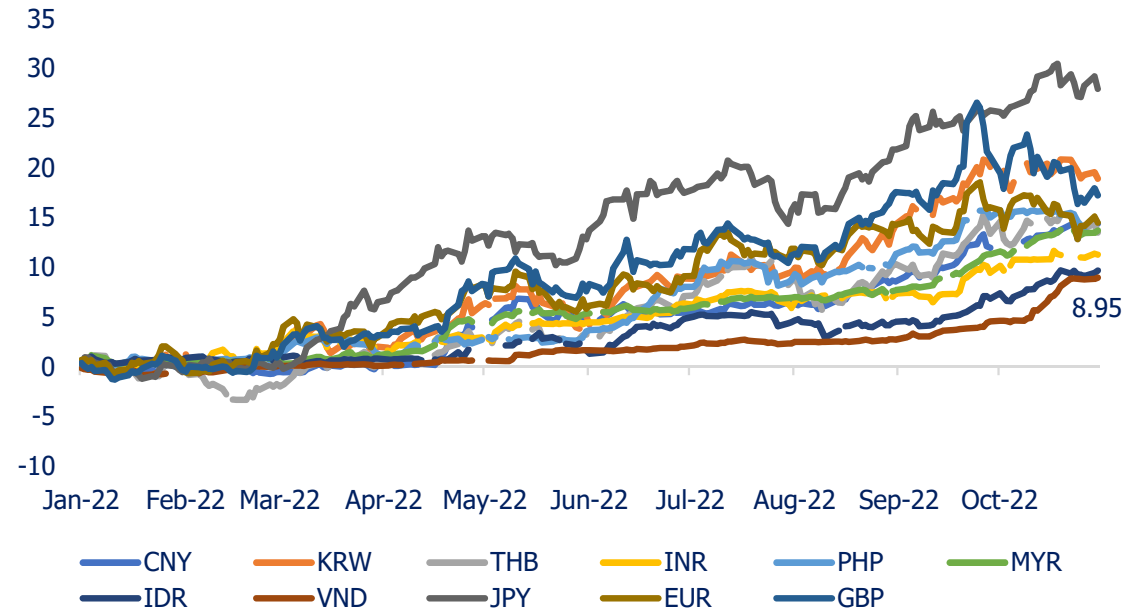
KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 10

Diễn biến tỷ giá VND/USD



Nguồn: FiinGroup, Bloomberg, SHS tổng hợp

VND chịu áp lực mất giá mạnh trong tháng 9 – 10, hiện đang có xu hướng chậm lại



- Đồng VND giảm mạnh 4% trong tháng 10, sau diễn biến giảm nhẹ trong những tháng trước đó. Việc đồng VND giữ giá từ đầu năm khiến áp lực tỷ giá có xu hướng tập trung vào cuối năm, trong khi các đồng tiền khác trên thế giới đang có tín hiệu phục hồi lại.
- NHNN đã tăng lãi suất điều hành thêm 1% và tăng biên độ dao động tỷ giá lên +/-5% từ ngày 17/10/2022 nhằm giảm áp lực lên tỷ giá. NHNN cũng bán ra 2 tỷ USD trong tháng 10, giá bán sát mức giá trần theo biên độ. Động thái bán ra ngoại tệ, điều chỉnh lãi suất và chấp nhận nâng biên độ tỷ giá của NHNN giúp giảm kỳ vọng về tỷ giá, giúp đồng VND có xu hướng ổn định về cuối tháng, dù tỷ giá trên thị trường dự do vẫn cao hơn khoảng 2% so với giá bán ra của các NHTM.
- Ngày 02/11/2022, FED tiếp tục tăng lãi suất điều hành thêm 0,75%, trong dự kiến của giới đầu tư, lên 3,75-4%, mức cao nhất kể từ tháng 1/2008. Dự địa tăng lãi suất của FED còn lại không nhiều. Thị trường đang kỳ vọng FED còn hai lần tăng lãi suất (0,5% trong kỳ họp tháng 12 và 0,25% trong Q1.2023) và duy trì ở mức lãi suất mục tiêu. Trong bối cảnh đồng USD đang có xu hướng đạt đỉnh, áp lực tỷ giá đối với đồng VND về cuối năm được kỳ vọng không lớn.

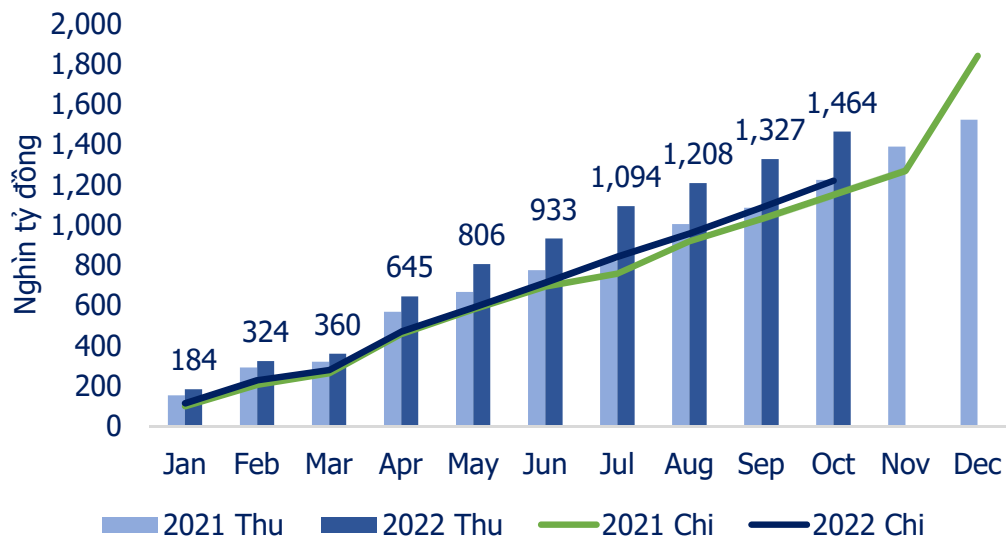


KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 10

- ❑ 10 tháng năm 2022, tổng thu NSNN đạt 1.464,3 nghìn tỷ đồng, bằng 103,7% dự toán năm (tăng 19,6% yoy), tổng chi ngân sách Nhà nước ước đạt 1.219,2 nghìn tỷ đồng, bằng 68,3% dự toán năm (tăng 6,07% yoy), bội thu NSNN 244,8 nghìn tỷ đồng.
- ❑ Vốn đầu tư từ NSNN tháng 10 ước đạt 53,6 nghìn tỷ đồng, tăng 24,2% yoy. Tính chung 10 tháng năm 2022, vốn đầu tư thực hiện từ NSNN đạt 387,7 nghìn tỷ đồng, bằng 67,1% kế hoạch năm và tăng 20,1% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy còn 136 nghìn tỷ đồng từ đầu tư công kỳ vọng sẽ được đưa ra nền kinh tế.
- ❑ Tại kỳ họp thường kỳ tháng 11, Chính phủ coi giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện tổng phương tiện thanh toán, trong bối cảnh dòng tín dụng từ hệ thống Ngân hàng bị kiểm soát.

Tình hình thu chi NSNN năm 2021-2022

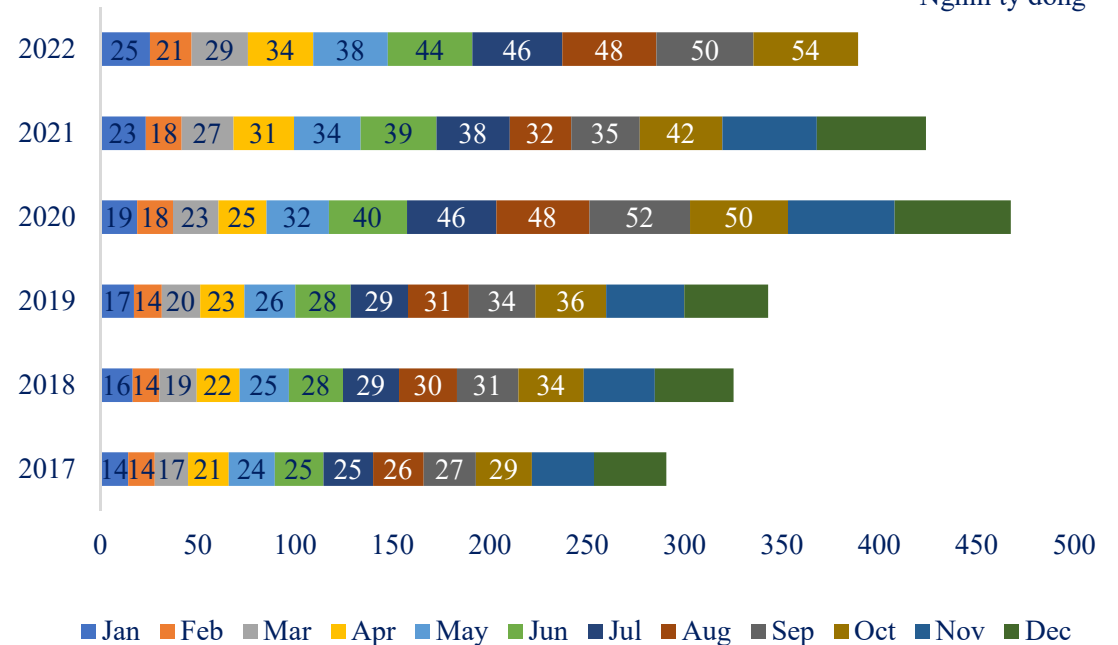
Số liệu YTD



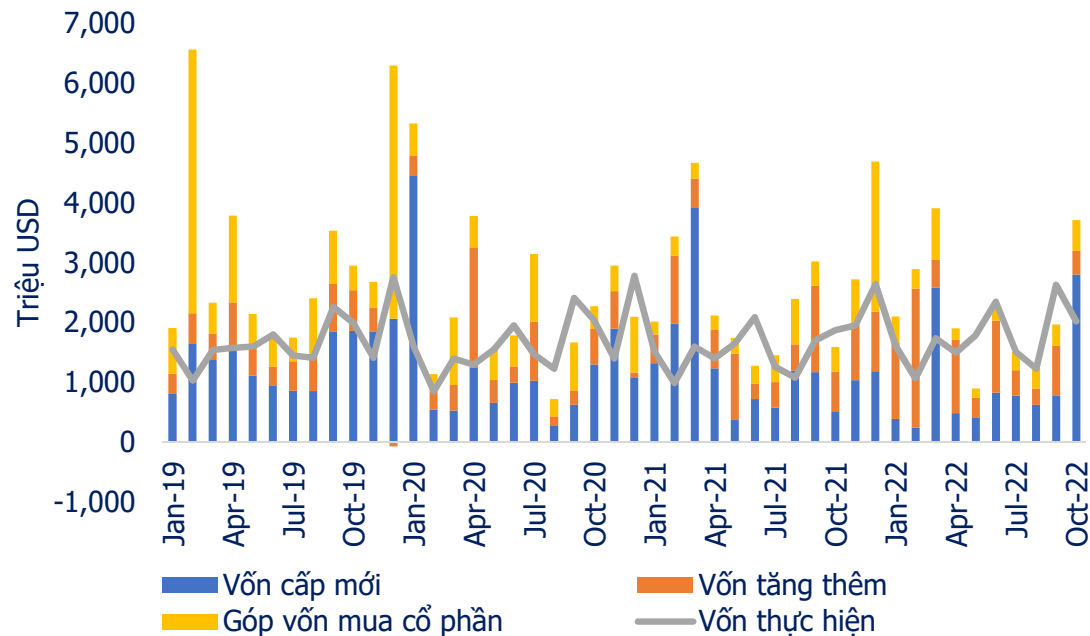
Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

Đầu tư công từ NSNN hàng tháng

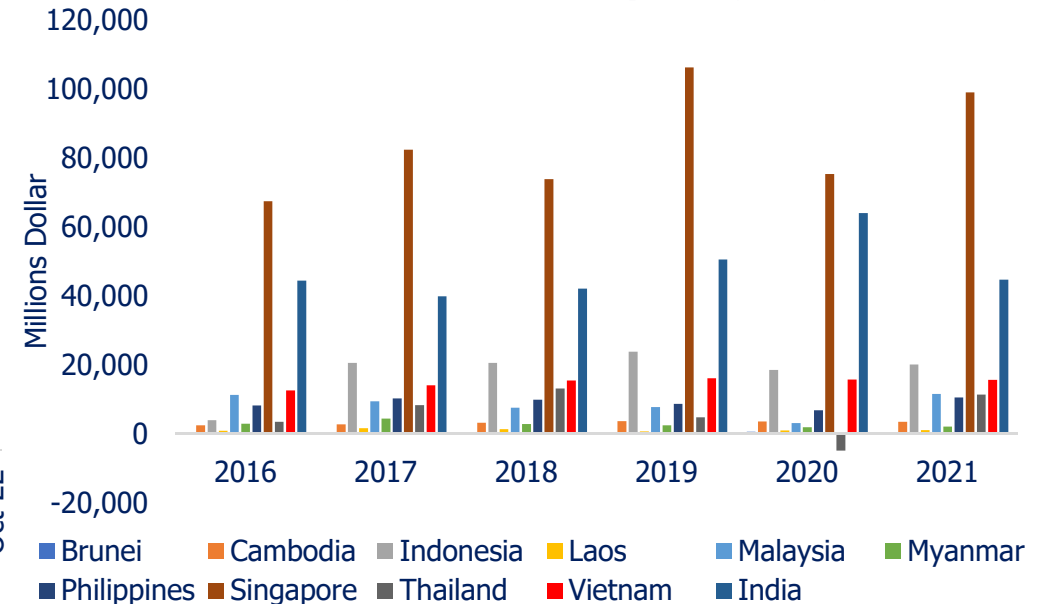
Nghìn tỷ đồng



Vốn FDI đăng ký và giải ngân theo tháng



Dòng vốn FDI vào một số Quốc gia



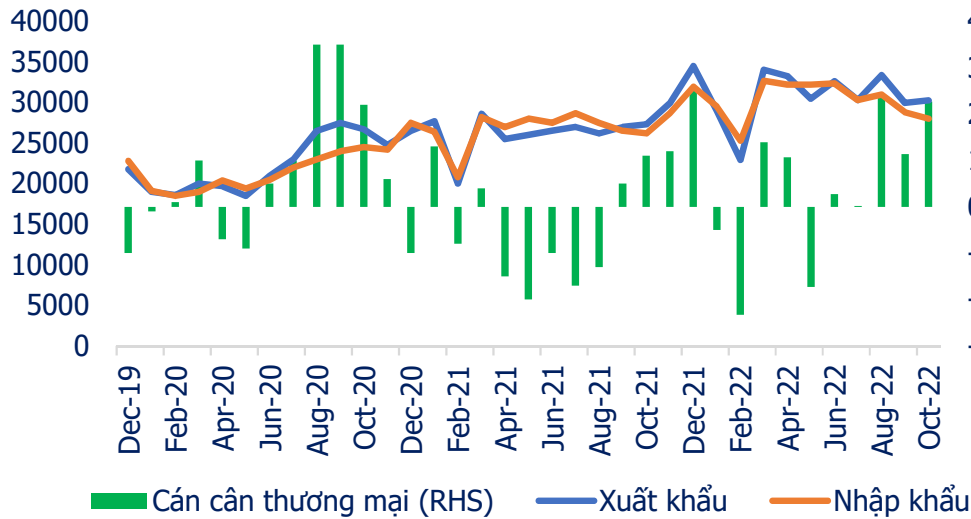
Nguồn: FiinPro, UNCTAD, SHS tổng hợp

- FDI đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/10/2022 đạt 22,46 tỷ USD, giảm 5,4% so với cùng kỳ năm trước.**
 Trong đó vốn đăng ký cấp mới đạt 9,93 tỷ USD, giảm 23,7% so với cùng kỳ, vốn đăng ký điều chỉnh tăng thêm đạt 8,74 tỷ USD, tăng 23,3% so với cùng kỳ. Việc giải ngân FDI tiếp tục là điểm sáng khi vốn FDI thực hiện 10 tháng đầu năm 2022 ước đạt 17,45 tỷ USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ.
- Vốn cấp mới tăng mạnh 2,8 tỷ USD trong tháng 10 nhờ cấp mới dự án thuộc ngành sản xuất phân phối điện khí từ đối tác Nhật Bản, tổng quy mô gần 2 tỷ USD. Việt Nam vẫn là điểm sáng về thu hút FDI trong khu vực nhờ tốc độ tăng trưởng cao, bối cảnh vĩ mô ổn định và thị trường nội địa nhiều tiềm năng. Theo Trưởng đại diện Tổ chức Xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO) tại Hà Nội, nửa đầu năm 2022, dòng vốn đầu tư ra nước ngoài của Nhật Bản giảm hơn 49%. Tuy nhiên, trong số các điểm đến đầu tư hàng đầu của doanh nghiệp Nhật Bản, Việt Nam là quốc gia duy nhất có mức tăng trưởng vốn ấn tượng, đạt 45%.

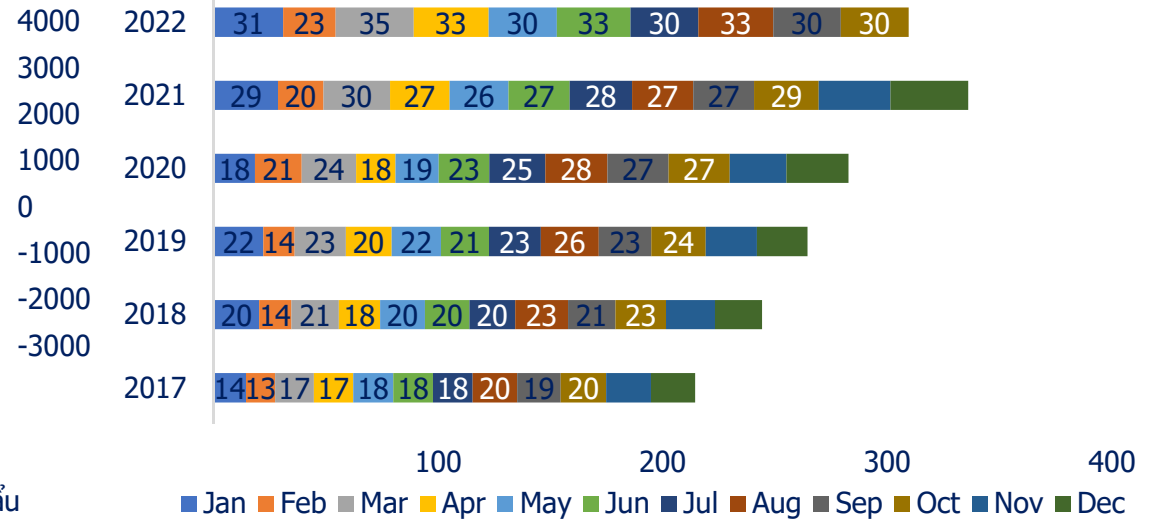


KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 10

Cán cân thương mại (Triệu USD)



Kim ngạch xuất khẩu hàng tháng (Tỷ USD)



Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 10/2022 tăng nhẹ 1,1% MOM sau diễn biến giảm khá mạnh trong tháng 9, ước đạt 30,27 tỷ USD (tăng 4,85% YoY). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu dệt may tiếp tục giảm 1,25% MoM, xuất khẩu giày dép tăng nhẹ 5% MoM, xuất khẩu gỗ tăng 9% MoM, gạo tăng 8% MoM, xuất khẩu thủy sản vẫn duy trì ở mức thấp tương đương tháng 7/2022. Sản phẩm chủ lực điện thoại giảm 4,7%, máy móc thiết bị tăng 2,5%, điện tử, máy tính và linh kiện giảm 1% so với tháng trước. Tính chung 10 tháng năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 312,82 tỷ USD, tăng 15,9% YoY.
- Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 10/2022 ước đạt 28 tỷ USD, giảm 1,4% MoM, tăng 7,1% YoY. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu vải, bông, phụ liệu may mặc tiếp tục giảm 13% MoM, nhập khẩu chất dẻo không đổi so với tháng trước. Mặt hàng nhập khẩu chính phục vụ sản xuất gồm điện tử, máy tính giảm 3%, điện thoại linh kiện tăng 8%, máy móc thiết bị không thay đổi so với tháng trước. Tính chung 10 tháng năm 2022, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 303,42 tỷ USD, vẫn tăng 12,2% YoY.
- Cán cân thương mại hàng hóa thặng dư 2,27 tỷ USD trong tháng 10. Tính chung 10 tháng đầu năm 2022, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 9,4 tỷ USD.



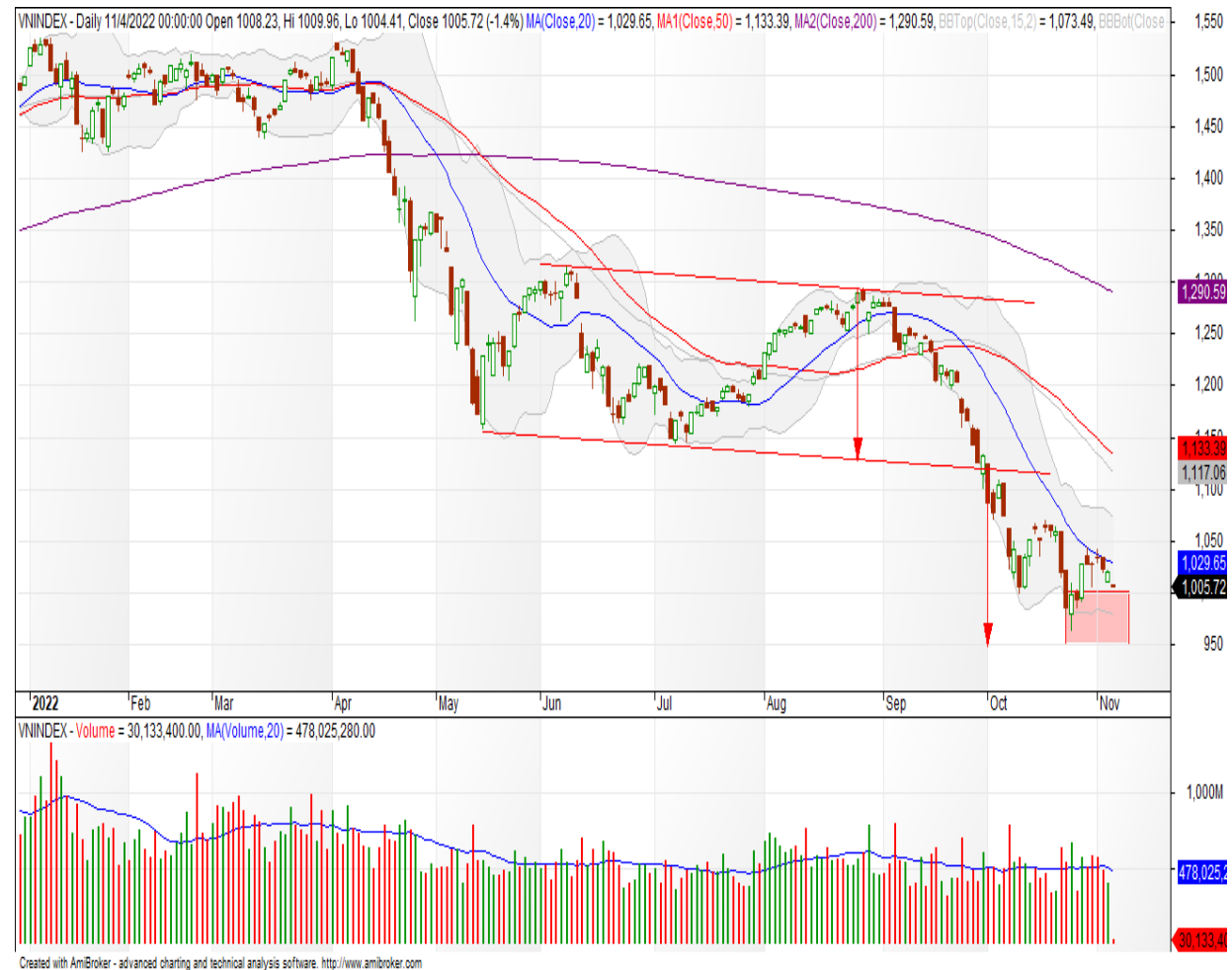
KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 10

Chỉ tiêu	Đồ thị	Nov-21	Dec-21	Jan-22	Feb-22	Mar-22	Apr-22	May-22	Jun-22	Jul-22	Aug-22	Sep-22	Oct-22
Chỉ số kinh tế													
Chỉ số sản xuất công nghiệp (hàng tháng, % YoY)		6.0%	9.0%	2.0%	9.0%	9.0%	9.0%	10.0%	11.50%	11.20%	15.60%	13%	6.30%
PMI (điểm)		52.20	52.50	53.70	54.30	51.70	51.70	54.70	54.00	51.20	52.7	52.5	50.2
Tăng trưởng bán lẻ (lũy kế, %YoY)		-9%	-4%	1%	2%	4%	7%	10%	11.70%	16%	19.30%	21%	20.20%
FDI giải ngân (lũy kế, % YoY)		-1%	-1%	7%	7%	8%	8%	8%	8.90%	10.2%	10.50%	16.30%	15.20%
FDI đăng ký (lũy kế, % YoY)		0%	9%	4%	-9%	-12%	-12%	-16%	-8.10%	-7.10%	-12.30%	-15.30%	-5.40%
Tăng trưởng xuất khẩu (lũy kế, %YoY)		18%	19%	8%	12%	14%	17%	17%	17.30%	16.10%	17.30%	17.30%	15.90%
Tăng trưởng nhập khẩu (lũy kế, % YoY)		28%	27%	11%	17%	16%	16%	16%	15.50%	13.60%	13.60%	13%	12.20%
Cán cân thương mại (hàng tháng, tỷ USD)		1.46	4.08	1.40	-0.58	1.46	2.53	0.52	0.28	0.02	2.42	1.14	2.27
Ổn định vĩ mô													
Lạm phát (% YoY)		2%	2%	2%	1%	2%	3%	3%	3.37%	3.14%	2.89%	3.94%	4.30%
Lạm phát cơ bản (% YoY)		1%	1%	1%	1%	1%	1%	2%	1.98%	1.44%	1.64%	1.88%	2.14%
Tăng trưởng tín dụng (% YTD)		10.8%	13.6%	2.5%	2.7%	6.0%	6.8%	7.8%	8.5%	9.42%	9.91%	10.54%	11.50%
Tăng trưởng cung tiền M2 (% YTD)		7.7%	10.7%	2.6%	1.8%	3.5%	3.5%	3.3%	3.78%	3.18%	2.68%	2.49%	3.09%
Lãi suất tái cấp vốn (%)		4%	4%	4%	4%	4%	4%	4%	4%	4%	4%	5%	6%
Lãi suất tái chiết khấu (%)		2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	3.50%	4.50%
Lãi suất liên ngân hàng ON (%)		0.60%	0.58%	1.45%	2.36%	1.90%	1.43%	0.43%	0.74%	3.32%	4.75%	4.73%	5.05%
Lợi suất trái phiếu 10 năm (%)		2.15%	2.09%	2.09%	2.14%	2.31%	2.44%	3.08%	3.41%	3.90%	3.62%	4.97%	5.10%
CDS 5 năm		114.39	99.98	111.58	133.12	112.43	138.34	122.98	164.52	143.93	147.78	186.35	162.8
VND/USD (% MoM)		1.2%	-1.4%	0.9%	0.1%	-0.2%	0.1%	0.5%	0.4%	0.3%	0.46%	1.73%	4.09%



TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 11

- ❑ Chỉ số VN-INDEX có tháng giảm mạnh thứ hai liên tiếp với mức giảm -9,2%, thấp hơn mức giảm trước đó trong tháng 9 là -11,6%.
- ❑ Việc đánh mất kênh xu hướng sideway down trước đó (vẽ trong hình) vào phiên 3/10 sau khi VN-INDEX xuyên thủng mốc hỗ trợ 1.120 điểm (trendline nối các đáy tháng 5 và tháng 7) đã khiến cho xu hướng thị trường trở nên tiêu cực hơn. Mục tiêu giá sau khi gãy kênh giá kể trên được xác định quanh ngưỡng 950 điểm (như trong hình).
- ❑ Trong phiên 25/10, VN-INDEX đã có một nhịp test thành công ngưỡng 962 điểm và sau đó hồi phục tuy nhiên VN-INDEX chỉ tiến tới ngưỡng 1.045 điểm rồi điều chỉnh trở lại, qua đó hình thành mức đỉnh mới thấp hơn đỉnh cũ trước đó là ngưỡng 1.070 điểm.
- ❑ Chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ tìm được điểm cân bằng trong tháng 11 trước khi bước vào giai đoạn tích lũy với vùng hỗ trợ quanh mốc 950 điểm và kháng cự từ 1.050 điểm – 1.100 điểm.

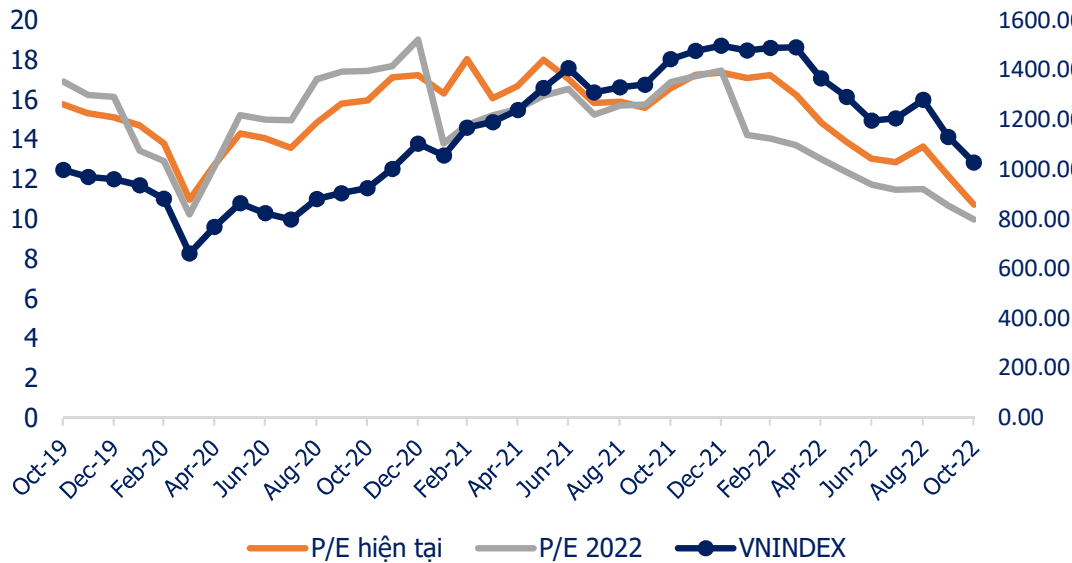




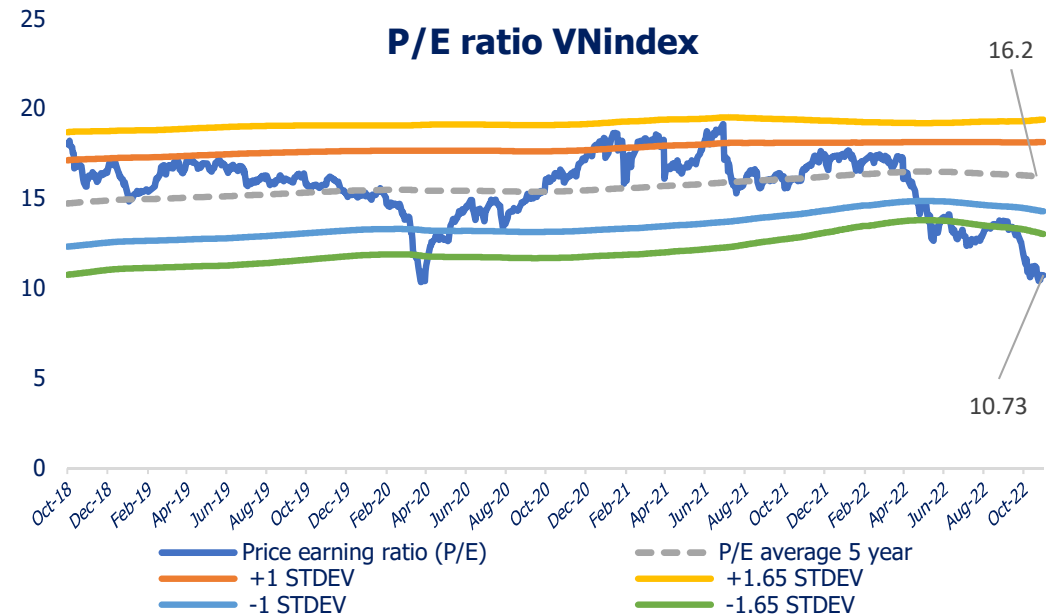
TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 11

□ Vào thời điểm kết thúc tháng 10/2022, định giá toàn thị trường đang ở mức thấp so với trung bình nhiều năm, P/E của chỉ số VN-Index đang ở mức 10,73 lần, thấp hơn 33,8% so với mức trung bình trong 5 năm gần nhất là 16,2 lần trong bối cảnh nền kinh tế vẫn đang tăng trưởng tốt, tốc độ tăng trưởng GDP Quý 3/2022 tăng 13,67% và cả năm 2022 có thể đạt 8% như dự báo của nhiều tổ chức lớn. Các doanh nghiệp trên sàn cũng đang có tình hình tài chính ổn định và tăng trưởng năm nay có thể vẫn ở mức hai con số.

Định giá TTCK VN



P/E ratio VNindex

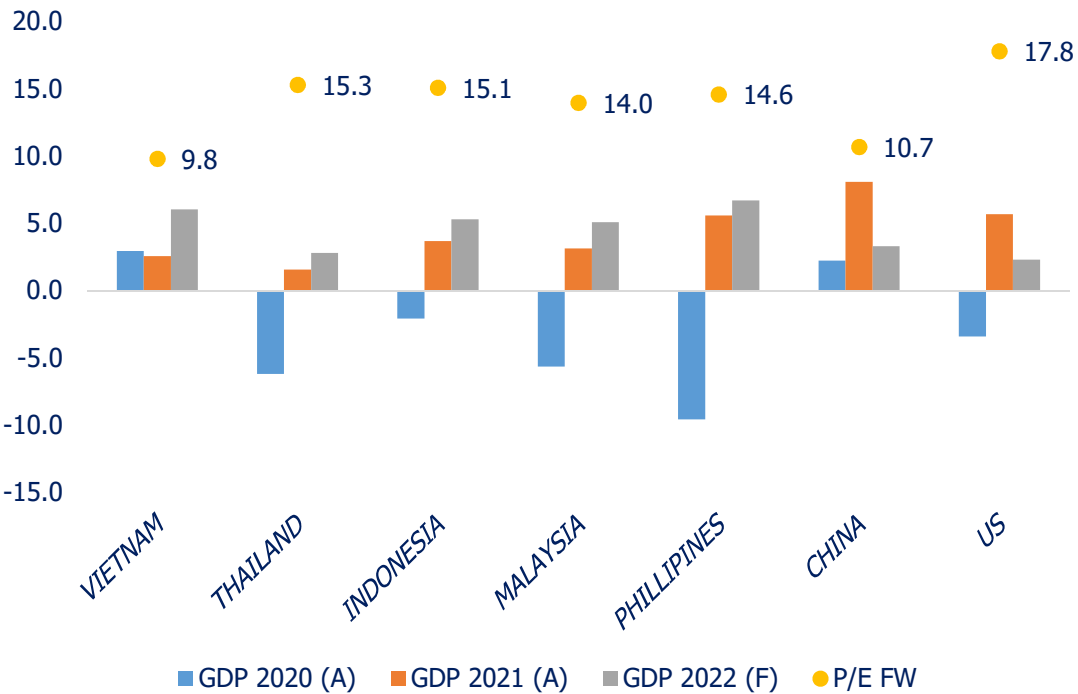


Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

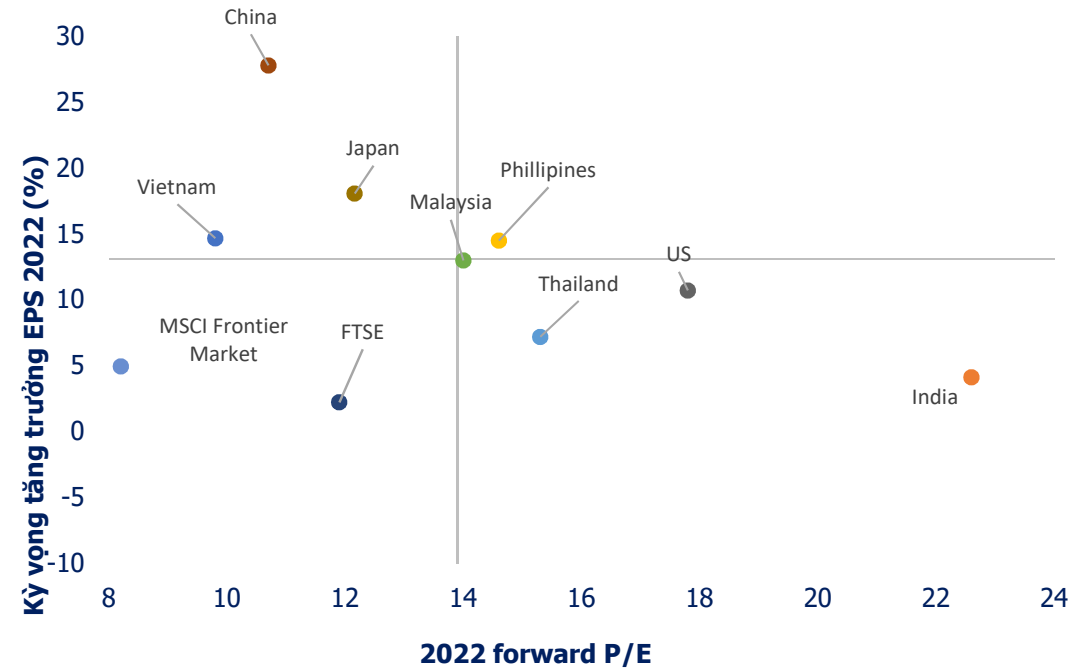


TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 11

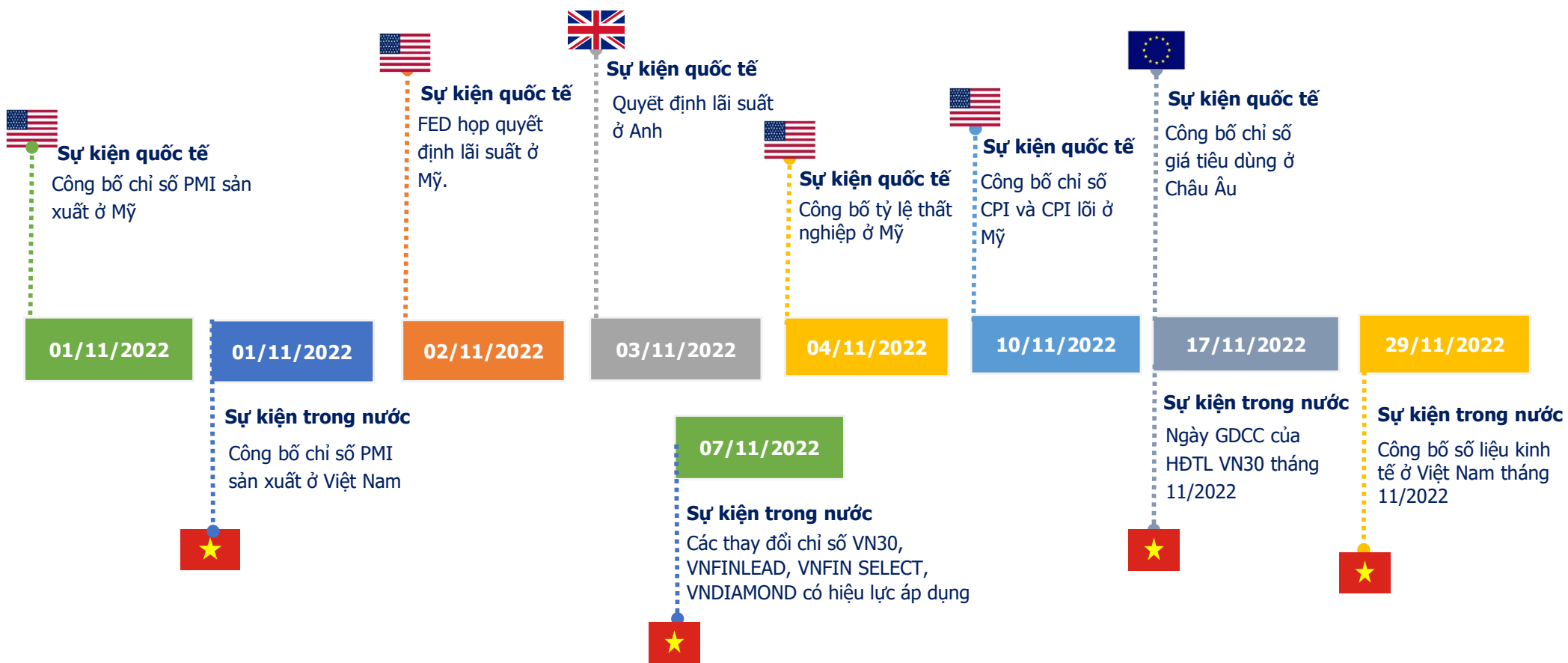
TTCK VN so với các nước trên thế giới



Kỳ vọng tăng trưởng EPS, P/E Foward 2022



Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



Nguồn: Investing.com, VanEck, FTSE Russell, HNX, SHS tổng hợp



THEO DÕI DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 10

STT	Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT	Giá cao nhất tháng 10/2022	Giá tại ngày 31/10/2022	Cập nhật mới
1	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	27-28	24,6	21,4	<ul style="list-style-type: none">Q3/2022 doanh thu đạt 3.503 tỉ đồng (-12% YoY), lợi nhuận trước thuế 297,9 tỉ đồng (+6,1% YoY). Lũy kế 09 tháng năm 2022 doanh thu đạt 11.087 tỉ đồng (+14,6% YoY), lãi trước thuế 671,9 tỉ (-4% YoY).
2	HPG	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	26-28	21,2	15,65	<ul style="list-style-type: none">Q3/2022, doanh thu thuần 34.103 tỷ đồng (-11,8% YoY). - 1.786 tỷ đồng. Nguyên nhân do giá thép giảm đáng kể, hàng tồn kho giá cao và ảnh hưởng của lỗ tỷ giá (1.011 tỷ đồng trong quý 3).Hoạt động Nông nghiệp và BĐS vẫn tạo ra lợi nhuận, đóng góp tương ứng 99,3 tỷ đồng và 54,1 tỷ đồng LNST.Lũy kế 9T.2022, HPG đạt 115.583 tỷ đồng doanh thu (+10,11% YoY) và 10.443 tỷ đồng LNST (-61,5% YoY).KH dừng hoạt động 4 lò cao kể từ tháng 11/2022 và thêm 1 lò vào tháng 12/2022
3	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	33-35	30,3	22,8	<ul style="list-style-type: none">Q3/2022, doanh thu đạt 881,7 tỷ đồng (+484% YoY) và LNST 50,9 tỷ đồng (-82,7% YoY). Doanh thu quý 3 chủ yếu được đóng góp từ 2 dự án Akari City và Southgate. LNST giảm mạnh do cùng kỳ NLG ghi nhận khoản doanh thu tài chính đột biến (371,6 tỷ đồng) từ việc mua CTCP Southgate (sở hữu dự án Southgate).Lũy kế 9T2022, NLG đạt doanh thu thuần 2.709,8 tỷ đồng (+244% YoY) và LNST đạt 275,8 tỷ đồng (-61,1% YoY), tương ứng hoàn thành 38% kế hoạch doanh thu và 21,1% chỉ tiêu lợi nhuận năm 2022.



THEO DÕI DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 10

STT	Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT	Giá cao nhất tháng 10/2022	Giá tại ngày 31/10/2022	Cập nhật mới
4	DPM	Công ty cổ phần đạ Mỹ	48-50	49,8	43,3	<ul style="list-style-type: none">Q3/2022 Doanh thu đạt 3.930 tỷ đồng (+37% YoY), lợi nhuận trước thuế 1.213 tỷ đồng (+60% YoY). Lũy kế 9 tháng 2022, doanh thu đạt 14.866 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 5.369 tỷ đồng, tăng gấp 2 và 3 lần so với cùng kỳ.
5	DPG	CTCP Tập Đoàn Đạt Phương	42-44	37,8	25,8	<ul style="list-style-type: none">Q3/2022, DPG ghi nhận doanh thu 880,4 tỷ đồng (+60,5% YoY) và LNST 92,3 tỷ đồng (+29,7% YoY). Tăng trưởng doanh thu đến từ Hợp đồng xây dựng (+98% YoY) và bán điện thương phẩm (+106,3% YoY)Lũy kế 9T.2022, DPG đạt 2.224,9 tỷ đồng doanh thu (+45,0% YoY) và 376,4 tỷ đồng LNST (+24,3% YoY), tương ứng 58% kế hoạch doanh thu và 81% chỉ tiêu lợi nhuận 2022.



DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 11

STT	Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT	T.trưởng Doanh thu Q3	T.trưởng Lợi nhuận Q3	Luận điểm đầu tư
1	DPR	CTCP Cao Su Đồng Phú	70-72	13,3%	28,3%	<ul style="list-style-type: none">Q3/2022 doanh thu đạt 340,8 tỉ đồng (+13,2% YoY), lãi sau thuế đạt 97,52 tỉ đồng (+28,25% YoY). Lũy 09 tháng doanh thu đạt 840,95 tỉ đồng và lãi sau thuế 216 tỷ đồng, tăng lần lượt 15,3% và 34,66% so cùng kỳ năm 2021.KCN Bắc và Nam Đồng Phú mở rộng (tổng diện tích 797 ha) đang được triển khai và dự kiến KCN Bắc Đồng Phú sẽ bắt đầu cho thuê từ 2023 với giá thuê kỳ vọng 75USD/m2/kỳ thuê, cao hơn khoảng 40% so với giá thuê trung bình của 2 KCN hiện tại của DPR. Dự án Nam Đồng Phú dự kiến có thể cho thuê từ 2026.Có thể nhận được tiền đền bù đất trong trường hợp tỉnh Bình Phước chuyển giao một phần diện tích đất DPR đang quản lý cho đơn vị khác để sản xuất kinh doanh, giá đền bù khoảng 1 tỷ đồng/ha.
2	BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	70-72	183,8%	774,7%	<ul style="list-style-type: none">Doanh nghiệp thị phần ống nhựa dẫn đầu tại miền Nam với gần 50% thị phần trong khu vực và 27% cả nướcQuý 3/2022 doanh thu thuần đạt hơn 1.495 tỷ đồng, tăng gấp 2,8 lần cùng kỳ và lãi sau thuế hơn 175 tỷ đồng (cùng kỳ lỗ gần 26 tỷ đồng). Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần đạt hơn 4.400 tỷ đồng (+40 YoY), lợi nhuận sau thuế gần 448 tỷ đồng (gấp 4,5 lần YoY).Triển vọng 2022 tiếp tục ổn định nhờ: 1/Sản lượng tiêu thụ tiếp tục phục hồi, thúc đẩy bởi hoạt động xây dựng dân dụng, cũng như đẩy mạnh giải ngân thi công đầu tư công, cơ sở hạ tầng Q4/2022; 2/Tăng thị phần ở miền Trung và Tây Nguyên; (3) Giá bán duy trì ở mức cao trong khi giá PVC đầu vào tiếp tục xu thế giảm mạnh.



DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 11

STT	Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT	T.trưởng Doanh thu Q3	T.trưởng Lợi nhuận Q3	Luận điểm đầu tư
3	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam	140-142	31,2%	25,3%	<ul style="list-style-type: none">Nhà cung cấp khí lớn nhất Việt Nam, chiếm 70% thị phần LPG cả nước. Khả năng tài chính mạnh với tiền và các khoản tiền gửi 33.696 tỷ đồng, tương đương 17.600đ/cổ phần, chiếm 39,5% tổng tài sản và 1,14 lần tổng nợ phải trả.KQKD năm 2022 dự báo khả quan do: 1/Nhu cầu từ các khách hàng công nghiệp phục hồi; 2/Hưởng lợi từ diễn biến giá dầu duy trì ở mức cao, KH2022 xây dựng trên kịch bản giá dầu 60 USD/thùng trong khi giá dầu Brent trung bình từ đầu năm là 103 USD/thùng.QIII/2022 doanh thu đạt 24.329 tỷ đồng (+31% YoY), lãi sau thuế đạt 3.089 tỷ đồng, (+25% YoY). Lũy kế 9 tháng 2022, doanh thu đạt 78.671,6 tỷ đồng (+34% YoY), lãi sau thuế 11.726 tỷ đồng (+72% YoY), vượt xa KH năm (7.039 tỷ đồng).Tiềm năng tương lai: Dự án trạm LNG Thị Vải công suất 1 triệu tấn hoạt động từ cuối năm 2022. Giai đoạn 2024-2025 các dự án nâng công suất kho tại Thị Vải lên 3 triệu tấn/năm, dự án LNG Sơn Mỹ, dự án đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn và dự án đường ống dẫn khí mỏ Sư Tử Trắng.
4	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	55-57	36,1%	76,8%	<ul style="list-style-type: none">Một trong những doanh nghiệp đầu ngành về khai thác cảng biển và logistics tại Việt Nam.Q3/2022 doanh thu 991,94 tỷ đồng (+36,1% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 287,48 tỷ đồng (+76,8% YoY). Lũy kế 9 tháng 2022, doanh thu đạt 2.850 tỷ đồng (+31,5% YoY) tương ứng 74% KH năm, lãi trước thuế 1.057 tỷ đồng (+84% YoY) hoàn thành 106% KH năm.GMD sẽ duy trì tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận tốt nhờ (1). Tổng kim ngạch xuất khẩu duy trì tăng trưởng tốt (2). Gemalink hoạt động hiệu quả và dự kiến triển khai GD 2 trong năm 2023; 3/Các cảng Hải Phòng lấy lại đà tăng trưởng, Cảng Nam Đình Vũ GD2 dự kiến bắt đầu đi vào hoạt động trong Q1/2023.



DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 11

STT	Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT	T.trưởng Doanh thu Q3	T.trưởng Lợi nhuận Q3	Luận điểm đầu tư
6	FRT	Công ty cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	89-91	54%	80%	<ul style="list-style-type: none">▪ Quý 3/2022, doanh thu 7,7 nghìn tỷ (+54% YoY) và LNST 85,2 tỷ đồng (+80% YoY). Lũy kế 9 tháng, doanh thu đạt 21,7 nghìn tỷ đồng (+55% YoY) và lãi sau thuế 301,4 tỷ đồng (gấp 2,8 lần cùng kỳ).▪ KQKD năm 2022 dự báo tăng trưởng tích cực nhờ: 1/Chuỗi nhà thuốc Long Châu hoàn thành mở mới thêm 400 nhà thuốc nâng tổng số cửa hàng lên 800 (gấp 2 lần so với cuối năm 2021). Doanh thu trung bình/cửa hàng trong Q3/2022 tăng lên 1,1 tỷ đồng/cửa hàng/tháng, tương đương với trung bình năm 2021; 2/Chuỗi FPT shop ghi nhận doanh thu laptop tăng 7% sau 9 tháng nhờ mở thêm 98 cửa hàng và dự kiến doanh thu điện thoại di động tích cực trong Q4 nhờ sản phẩm Iphone 14.



TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng phụ trách: Ngô Thế Hiến
Hien.nth@shs.com.vn

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
Cuong.hnv2@shs.com.vn

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
Nhat.pt@shs.com.vn

Trưởng nhóm: Đoàn Thị Ánh Nguyệt
Nguyet.dta@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
Thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
Thang.nd@shs.com.vn

Chuyên viên: Trần Hồng Mây
May.th@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
Kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg, FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:
Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn